

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN THỊ SA

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN
HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN THỊ SA

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN
HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số : 838.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN MINH ĐỨC**

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Học viên

Phan Thị Sa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	8
1.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	8
1.2. Nội dung, quy trình thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	18
1.3. Những yếu tố đảm bảo thực hành quyền công tố của VKSND trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI	31
2.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	31
2.2. Những kết quả đạt được của công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	35
2.3. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế	44
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI	52
3.1. Quan điểm tăng cường công tác thực hành quyền công tố của VKSND huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	52
3.2. Các giải pháp tăng cường công tác hành quyền công tố của VKSND huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thời gian tới	57
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
CB, CC	Cán bộ, công chức
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tổ tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Thống kê số vụ án/bị cáo bị truy tố được đưa ra xét xử giai đoạn 2011-2017 và 6/2018	39
Bảng 2.2. Thống kê số vụ án/bị cáo bị truy tố được đưa ra xét xử giai đoạn 2011-2017	41
Bảng 2.3. Thống kê số vụ án/bị can Tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung	43

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hành quyền công tố của VKSND là một dạng thực hành quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Không có cá nhân, cơ quan nhà nước nào có thể thay thế VKSND trong việc truy tố kẻ phạm tội ra trước Tòa. Thực hành quyền công tố của VKSND nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật. Với vị trí, vai trò quan trọng đó, Đảng ta đã dành sự quan tâm lớn đến công tác thực hành quyền công tố của VKSND như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới đã chỉ rõ: *"Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác..."*. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: *"Viện kiểm sát nhân dân tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp"*. Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 khẳng định: *"Trước mắt, viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp... tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra"*. *"Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp"* [3]. Các chủ trương, quan điểm đó đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013, tại khoản 1, Điều 107 và khoản 2, Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 khẳng định: *"Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố... của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* [15]. *"Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong*

suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự” [19].

Thời gian qua, công tác thực hành quyền công tố của VKSND đã đạt được những kết quả quan trọng, đã hạn chế tình trạng truy tố oan sai, đã phát hiện, khởi tố, xử lý kịp thời các hành vi phạm tội và tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân góp phần hiệu quả trong công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy công tác thực hành quyền công tố vẫn còn những hạn chế, bất cập như: vẫn còn một số vụ án truy tố oan, sai gây bức xúc trong nhân dân, tình trạng bỏ lọt tội phạm, chất lượng xét hỏi của KSV còn hạn chế, KSV chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử, chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa hưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp... Nhận thức được vấn đề đó, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố...; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra*” [11, tr.179]. Vì vậy, cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND là một đòi hỏi cấp bách của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phức tạp của công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa vi phạm pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức và công dân, với trách nhiệm là một công chức trong ngành, công tác ở một địa bàn cụ thể, học viên đã chọn đề tài: “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi*” làm luận văn thạc sỹ chuyên ngành Luật hình sự là cần thiết về lý luận cũng như thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua tìm hiểu về vấn đề này, tác giả nhận thấy, có khá nhiều công trình khoa học đề cập đến vấn đề này, bước đầu tập hợp được một số công trình tiêu biểu sau:

- Luận án tiến sĩ Luật học, “*Quyền công tố ở Việt Nam*” của Lê Thị Tuyết Hoa, (2005) [16]. Đã đề cập đến những vấn đề lý luận về vấn đề quyền công tố ở một số nước trên thế giới và trong TTHS ở Việt Nam và thực trạng tổ chức thực hành

quyền công tố trong TTHS ở Việt Nam và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động công tố ở trước Tòa án.

- Luận văn thạc sỹ Luật hình sự, “*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện trong cải cách tư pháp ở nước ta*” của Lương Thúy Hà (2012) [13]. Đã đề cập đến một số vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố của VKSND, pháp luật về thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện.

- Luận văn thạc sỹ Luật học, “*Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Nông)*” của Lê Thanh Hưng (2015) [17]. Đã đề cập một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố trong TTHS. Đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố ở địa bàn tỉnh Đắk Nông và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố.

- Luận văn thạc sỹ Luật học, “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*”, của Nguyễn Hữu Phước (2016). Đã đề cập đến một số vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đánh giá thực trạng vấn đề này tại địa phương huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nội dung này tại địa phương.

- Luận văn thạc sỹ Luật học, “*Năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu áp dụng nguyên tắc tranh tụng ở Việt Nam hiện nay*” của Bùi Thị Thúy Hằng (2016) [14]. Đề cập đến cơ sở lý luận, thực trạng vấn đề năng lực tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự.

- Luận văn thạc sỹ Luật học, “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi*”, của Trương Thị Thu Thắm (2017). Đã phân tích rõ thêm một số vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thực trạng pháp

luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Luận văn thạc sỹ Luật học, *“Thực hành quyền công tố đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi”* của Lý Tường Vy (2017) [42]. Đề cập đến một số vấn đề lý luận và thực trạng thực hành quyền công tố đối với loại tội phạm này tại địa phương và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.

Ngoài ra, còn có các công trình nghiên cứu là sách, đề tài khoa học cấp bộ, luận văn, bài viết...liên quan đến các nội dung của luận văn như: Sách, *“Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”*, của Nguyễn Hải Phong chủ biên, Nxb Tư Pháp 2013; Sách, *“Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”*, Nxb Chính trị quốc gia của Lê Hữu Thế; Bài viết: *Một số vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố* của tác giả Lê Cẩm trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6/2000; *Một số vấn đề về quyền công tố* của tác giả Trần Văn Độ trên Tạp chí Luật học, Số 3/2001; *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay* của tác giả Đỗ Văn Đương, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 79/2006); *Viện kiểm sát hay Viện công tố của tác giả Nguyễn Thái Phúc*, Tạp chí Khoa học Pháp luật, số 2/2007.

Các công trình nghiên cứu trên với những cách tiếp cận khác nhau, đã làm rõ một số vấn đề liên quan trực tiếp và gián tiếp đến các vấn đề lý luận, thực tiễn cũng như định hướng, giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến đề tài. Một số công trình nghiên cứu đã tập trung vào nội dung thực hành quyền công tố của VKSND trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại một số địa phương cụ thể, và đề xuất các giải pháp gắn liền với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương đó. Các kết quả nêu trên sẽ được tác giả tiếp tục kế thừa có chọn lọc, vận dụng hợp lý vào các nội dung cụ thể của luận văn. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy, thực hành quyền công tố của

VKSND trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần tiếp tục được làm rõ thêm một số vấn đề, đặc biệt là trong quá trình thực thi Bộ luật Hình sự 2015 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, cũng như yêu cầu thực hiện chiến lược cải cách tư pháp hiện nay. Do vậy, việc nghiên cứu về công tác thực hành quyền công tố trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi là rất cần thiết, trên cơ sở đó sẽ đưa ra các giải pháp để tiếp tục tăng cường hoạt động này nhằm đáp ứng được yêu cầu của địa phương và tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất giải pháp tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND trong hoạt động xét xử vụ án hình sự ở nước ta.

- Đánh giá thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua.

- Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Là công tác thực hành quyền công tố trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Nghiên cứu công tác thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS về vấn đề này.

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu công tác thực hành quyền công tố của

VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Phạm vi về thời gian: Số liệu được sử dụng nghiên cứu được tổng hợp từ kết quả thống kê từ năm 2011-2017 và đến tháng 6 năm 2018.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu trên cơ sở của phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật, về cải cách tư pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu và sử dụng ở mức độ khác nhau trong những nội dung khác nhau như: Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp luật học so sánh; Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, khảo sát thực tiễn; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp lịch sử.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố của VKSND trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Nhận thức được những kết quả đạt được, hạn chế yếu kém trong thực hành quyền công tố của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu còn là nguồn tài liệu tham khảo cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng, hoạch định chính sách khi xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến công tác thực hành quyền công tố của VKSND, là nguồn tư liệu tham khảo cho đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương khác, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành kiểm sát trong quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ liên quan đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố của trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Quan điểm và giải pháp tăng cường thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi thời gian đến.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1.1. Khái niệm xét xử và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Từ điển Tiếng Việt "*Xét xử là việc xem xét và xử các vụ án*" [20, tr.148]. Đây là một trong những hoạt động đặc trưng, là chức năng, nhiệm vụ của các Tòa án, các Tòa án là những cơ quan duy nhất của một nước được đảm nhiệm chức năng xét xử, chức năng này còn được gọi là chức năng bảo vệ pháp luật có mối quan hệ trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của con người, quyền của công dân.

Từ điển Luật học của Viện Khoa học Pháp lý cho rằng: "*Xét xử là hoạt động xem xét, đánh giá bản chất pháp lý của vụ việc nhằm đưa ra một phán xét về tính chất, mức độ pháp lý của vụ việc, từ đó nhân danh Nhà nước đưa ra một pháp quyết tương ứng với bản chất, mức độ trái hay không trái pháp luật của vụ việc (xét xử vụ án hình sự, dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính...)*" [30, tr.869].

Như vậy, có thể hiểu xét xử là quá trình áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các quyết định mà CQĐT, VKS đã thông qua trước khi chuyển vụ án hình sự sang Tòa án, nhằm loại trừ các những hậu quả tiêu cực do sơ suất, sai lầm hoặc sự lạm dụng đã bỏ lọt tội trong ba giai đoạn tố tụng hình sự trước đó (khởi tố, điều tra và truy tố), chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, hoặc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ (hay tạm đình chỉ) vụ án.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, hiện nay khái niệm xét xử sơ thẩm có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Từ điển Luật học giải thích: "*xét xử sơ thẩm là lần đầu tiên đưa vụ án ra xét xử tại một Tòa án có thẩm quyền*" [30, tr.870]. Theo đó, phạm vi rộng xét xử sơ thẩm bao gồm các vụ án dân sự, hình sự, hành chính...

điểm quan trọng nhất ở đây là đã thể hiện được đặc trưng của xét xử sơ thẩm là “*lần đầu tiên*” đưa vụ án ra xét xử và do “*một Tòa án có thẩm quyền*” thực hiện, tuy nhiên, hạn chế là chưa phân định sự khác biệt và đặc trưng riêng của việc xét xử sơ thẩm các vụ án, trong đó có việc xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự - một trong những hoạt động được coi là trung tâm của hoạt động tố tụng hình sự, bởi lẽ nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất trong tố tụng hình sự là “*không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”, do đó, có thể nói hoạt động truy tố của VKS hướng tới việc tạo căn cứ cho hoạt động xét xử, bản án và các quyết định của Tòa án là căn cứ pháp lý để tiến hành hoạt động thi hành án, biến việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng phát huy tác dụng trên thực tế [23, tr.58].

Như vậy, có thể khái quát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng hình sự mà Tòa án được giao thẩm quyền, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, lần đầu tiên đưa vụ án hình sự ra xem xét công khai tại phiên tòa, nhằm xác định có hay không có tội phạm xảy ra, một người có phải là người phạm tội hay không để từ đó đưa ra bản án, quyết định phù hợp với tính chất của vụ án mà VKS đã truy tố. Từ phân tích trên, có thể nhận thấy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có những đặc trưng cơ bản như sau: i) là một giai đoạn tố tụng hình sự có tính chất bắt buộc; ii) là xét xử lần đầu vụ án, do đó vụ án được đưa ra giải quyết công khai với sự có mặt đầy đủ các người tham gia tố tụng; iii) có kết quả là một bản án, quyết định công minh, có căn cứ và đúng pháp luật; iv) góp phần vào việc xử lý triệt để và dứt điểm vụ án hình sự, qua đó, giảm thiểu tối đa tình trạng giải quyết kéo dài vụ án, duy trì công lý, tạo công bằng trong xã hội, trấn an dư luận và bảo đảm quyền lợi của công dân, tổ chức và nhà nước.

1.1.1.2. Khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trên phương diện luật học, cách hiểu về giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tương đối rõ, tác giả đồng tình với quan điểm của một số tác giả về vấn đề này được trình bày tại công trình [22, tr.13] và [8, tr.12]. Theo đó, có thể hiểu giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn trong tố tụng hình sự, trong đó Tòa án

có thẩm quyền thay mặt Nhà nước tiến hành việc xét xử lần đầu, toàn diện, tổng thể vụ án hình sự trên cơ sở bản cáo trạng của VKS, xem xét đánh giá chứng cứ và dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm cơ sở để ra các phán quyết công minh, có căn cứ và đúng pháp luật bằng bản án và quyết định của mình.

Thời điểm của giai đoạn xét xử sơ thẩm được bắt đầu từ khi Tòa án nhận được hồ sơ vụ án hình sự (với quyết định truy tố bị can trước Tòa án kèm theo bản cáo trạng) do VKS chuyển sang và kết thúc bằng một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Như vậy, giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng độc lập, trong đó bao gồm chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Chuẩn bị xét xử là tiền đề cần thiết, quan trọng cho việc mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa, còn phiên tòa sơ thẩm là hình thức đặc trưng của giai đoạn này, là nơi thể hiện đậm nét nhất nội dung của các nguyên tắc tố tụng hình sự.

1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.2.1. Chức năng của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê: "*Chức năng là phương diện hoạt động có tính chất cơ bản, xuất phát từ bản chất của sự vật, hiện tượng, từ mục đích, ý nghĩa xã hội của việc giải quyết các nhiệm vụ đó đặt ra*" [20, tr.62]. Theo đó có thể hiểu, chức năng của cơ quan nhà nước là những phương diện hoạt động chủ yếu có tính chất cơ bản và lâu dài của riêng cơ quan đó, nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn luật định để phục vụ việc thực hiện chức năng chung của bộ máy nhà nước. Hiến pháp năm 2013, Điều 109 quy định: "*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*". Trên cơ sở đó, tại Điều 2 Luật tổ chức VKSND năm 2014 đã làm rõ đặc trưng chức năng của VKSND thể hiện trên hai phương diện: i) "*Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*" [19]. Có thể khẳng định, VKS thực hành

quyền công tố ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; ii) “*Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật*” [19]. Đây là một chức năng mang tính đặc thù của hệ thống cơ quan VKS ở Việt Nam, trong đó có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp đối với việc giải quyết vụ án hình sự trong giai đoạn sơ thẩm.

Như vậy, trên phương diện pháp luật thực định, chức năng thực hành quyền công tố (về bản chất là chức năng buộc tội của Nhà nước) được giao cho VKS các cấp thực hiện trong tố tụng hình sự, từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và thực hành công tố tại các phiên tòa xét xử vụ án hình sự, trong giai đoạn này VKSND, KSV thay mặt nhà nước thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

1.1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là những hoạt động cụ thể của VKS từ khi Tòa án thụ lý xét xử cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật không bị kháng cáo, kháng nghị nhằm thực hiện chức năng thực hành quyền công tố. Ở nước ta, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bao gồm: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác

bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

1.1.3. Thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.3.1. Quyền công tố và thực hành quyền công tố

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, công tố có nghĩa là "điều tra, truy tố và buộc tội kẻ phạm pháp trước Tòa án" [43, tr.204]. Theo đó, công tố bao gồm cả hoạt động điều tra và truy tố, buộc tội kẻ phạm tội trước Tòa án. Theo Từ điển Luật học, công tố "là quyền của nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội" [30, tr.188], tiếp cận này chưa rõ ràng, bởi khái niệm "truy cứu trách nhiệm hình sự" còn bao gồm cả hoạt động xét xử của Tòa án.

Về mặt nguồn gốc, việc ra đời quyền công tố cũng có những quan điểm khác nhau, tác giả thống nhất với Võ Thành Đủ và một số nhà nghiên cứu khác về giải thích nguồn gốc của quyền công tố, tập trung vào hai hướng là: i) quyền công tố ra đời gắn liền với nền dân chủ tư sản và hình thành từ cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ thứ XIV, khi Nhà nước phong kiến tan rã, với học thuyết tam quyền phân lập trong tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước đã dẫn đến tách hệ thống Tòa án ra khỏi hệ thống cơ quan hành pháp và hình thành nhánh quyền lực thứ ba là quyền xét xử. Cùng với sự phát triển của hệ thống pháp luật, quyền công tố mới xuất hiện với tính chất là buộc tội trước Tòa án khi Tòa án xét xử các tội phạm hình sự. Như vậy, quyền công tố là một quyền độc lập tồn tại song song với quyền xét xử của Tòa án; ii) quyền công tố ra đời gắn liền với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, do đó quyền công tố tồn tại trong tất cả các Nhà nước từ Nhà nước chiếm hữu nô lệ đến Nhà nước ngày nay. Quyền công tố ban đầu chỉ mang tính xã hội và dần phát triển và đòi hỏi phải có một cơ quan nhà nước thực hiện đó là Cơ quan công tố hoặc VKS, tác giả đồng tình với quan điểm thứ nhất về vấn đề này. Ở Việt Nam, tác giả đồng tình rằng thuật ngữ "công tố", "quyền công tố" đã xuất hiện từ thời Pháp thuộc

và tiếp tục được sử dụng trong khá nhiều văn bản pháp luật, chủ yếu là các sắc lệnh vào giai đoạn đầu của chính thể Việt Nam Dân chủ cộng hòa với tên gọi là Viện Công tố. Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Đề án của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập hệ thống Viện Công tố và đến năm 1960 mới chuyển thành VKSND [7, tr.581]. Trong tiến trình thực hiện cải cách bộ máy nhà nước, cải cách hoạt động tư pháp, khi đề cập đến chức năng của VKSND thì khái niệm "công tố", "quyền công tố" lại được các nhà nước nghiên cứu đề cập nhiều hơn.

Khát quát các công trình nghiên cứu về vấn đề này, tác giả đồng tình với một số quan điểm là sự khác nhau chủ yếu tập trung vào các nhóm các cơ bản sau:

Thứ nhất: công tố không phải là chức năng độc lập của VKS, mà chỉ là hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và chỉ có trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, tức là khi kiểm sát việc xét xử các vụ án hình sự thì KSV thực hành quyền công tố để buộc tội bị cáo tại phiên tòa [31, tr85-86], quan điểm này phổ biến từ những năm trước đây và cũng là quan điểm cơ bản của một số nhà khoa học pháp lý Xô viết. Nhìn nhận như vậy đã đồng nhất quyền công tố với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật khi xét xử hình sự tại phiên tòa, thu hẹp phạm vi quyền công tố, chưa thấy hết vị trí, vai trò của VKS khi thực hành quyền công tố được Nhà nước giao cho, vì hoạt động truy tố và buộc tội của VKS tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự chỉ là một trong số các quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố.

Thứ hai: quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKSND truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò duy nhất của quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, [24] hạn chế của quan điểm này là thu hẹp phạm vi của quyền công tố là truy tố và buộc tội của VKSND tại Tòa án.

Thứ ba: quyền công tố là quyền của VKS nhân danh Nhà nước để bảo vệ lợi ích công (lợi ích của Nhà nước, xã hội và của công dân) khi có các hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, quyền công tố không chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự mà còn có cả trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính [29]. Quan điểm này đã

mở rộng phạm vi quyền công tố sang cả lĩnh vực tố tụng dân sự và lĩnh vực tố tụng hành chính là chưa thật sự chuẩn xác, bởi lẽ, đối với các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính thì VKS không khởi tố vụ án trong một số trường hợp như trước đây mà việc khởi kiện vụ án này thuộc trách nhiệm của đương sự (dựa trên nguyên tắc tự nguyện), đồng thời khi đơn khởi kiện của đương sự hợp lệ thì Tòa án phải thụ lý và đưa ra xét xử không lệ thuộc vào quyết định của VKS.

Thứ tư: quyền công tố là quyền của Nhà nước được giao cho VKS để thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội, nhằm đưa người đó ra xét xử và thực hiện sự buộc tội người đó trước Tòa án [27, tr.140]. Tác giả đồng tình cao với quan điểm này và nhận thấy, đây là quan điểm chung được thừa nhận nhiều hiện nay, cách tiếp cận này phù hợp với kết quả nghiên cứu lý luận về pháp luật và thực tiễn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND hiện nay ở nước ta. Xét trong điều kiện cụ thể đó, quan điểm thứ tư về quyền công tố còn cho phép chúng ta xác định đúng đắn các vấn đề sau đây: i) quyền công tố là quyền của Nhà nước được giao cho VKS; ii) quyền công tố chỉ tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự, không tồn tại trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính; iii) nội dung của quyền công tố là truy cứu TNHS và buộc tội đối với người phạm tội; iv) quyền công tố gắn liền với một tội phạm cụ thể; v) phạm vi của quyền công tố được bắt đầu từ khi có hành vi phạm tội xảy ra và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên trên thực tế hoạt động thực hiện quyền công tố bắt đầu kể từ khi tiếp nhận xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kết thúc khi Tòa án ra bản án, quyết định có hiệu lực thi hành. Từ sự phân tích nêu trên, tác giả đồng tình với một số nhà khoa học, có thể hiểu: *Quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nhằm truy tố, người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử và thực hiện sự buộc tội người đó trước phiên tòa nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Trên cơ sở phân tích quyền công tố ở nước ta hiện nay, có thể khẳng định

chủ thể thực hiện quyền công tố chỉ có thể là VKSND, ngoài cơ quan này không có một chủ thể nào có thể thực hiện chức năng đó. Trên phương diện luật thực định, vấn đề này đã được Bộ luật TTHS 2015 quy định rõ: “*Viện kiểm sát thực hành quyền công tố...trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh...*” [6]. Như vậy, hoạt động thực hành quyền công tố của VKS nhằm truy cứu TNHS, quyết định việc buộc tội, quyết định việc hạn chế các quyền công dân như bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác. Thực hành quyền công tố được thực hiện bằng hành vi tố tụng và quyết định tố tụng mang tính công khai theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Từ sự phân tích trên, tác giả đồng tình với quan điểm được nêu ra tại công trình [12] và có bổ sung thêm về khái niệm thực hành quyền công tố của VKS như sau: *Thực hành quyền công tố là hoạt động của VKSND nhân danh Nhà nước sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý theo quy định của pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự và bảo vệ sự buộc tội đó nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.* Từ đây, có thể khái quát một số điểm chính như sau: i) Chủ thể thực hành quyền công tố là VKSND, đây là cơ quan do Quốc hội thành lập, thừa hành quyền lực từ Quốc hội và được Quốc hội giao cho chức năng thực hành quyền công tố; ii) Mục đích thực hành quyền công tố là nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; iii) Đối tượng thực hành quyền công tố là thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội, do đó đối tượng của thực hành quyền công tố là tội phạm và người phạm tội; iv) Phạm vi hoạt động thực hành quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự, không tồn tại trong lĩnh vực tố tụng dân sự và tố tụng hành chính và bắt đầu thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm,

kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và kết thúc khi Tòa án ra bản án, quyết định có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp thực hành quyền công tố đều kéo dài từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, mà có thể chấm dứt ở giai đoạn tố tụng sớm hơn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, vì thực tế cho thấy, không phải tất cả các vụ án hình sự đều được đưa ra xét xử trước Tòa án, chính vì vậy, khi quyền công tố chấm dứt thì quyền thực hành quyền công tố cũng không còn [12, tr.56].

1.1.3.2. Thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thực chất giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự tiếp theo giai đoạn truy tố, đây là giai đoạn bao gồm hai phần cơ bản chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa. Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự khẳng định, tùy theo tính chất và nội dung vụ án mà VKS phối hợp với Tòa án để chuẩn bị các nội dung sau: phương án giải quyết; thời gian, địa điểm xét xử; những người cần triệu tập đến phiên tòa; thông tin về sức khỏe, tâm lý của bị can, bị cáo; việc tuyên truyền và những vấn đề khác có liên quan đến việc xét xử vụ án. Đối với vụ án phức tạp, thì có thể mời lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và một số cơ quan hữu quan khác tham dự” [32, tr.5].

Từ việc phân tích giai đoạn xét xử sơ thẩm, quyền công tố, thực hành quyền công tố và việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, tác giả đồng tình với quan điểm của một số tác giả trình bày tại công trình [26, tr.10] và [22, tr.9] như sau: *thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động của VKSND trong TTHS để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội nhằm đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội tại phiên tòa.* Từ cách tiếp cận trên, khi đề cập đến khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần chú ý một số điểm cơ bản sau: i) Về đặc điểm: được thực hiện bởi cơ quan duy nhất là VKS trong tố tụng hình sự; là việc truy tố bị can ra trước Tòa án, trên cơ sở kết quả điều tra, thu thập chứng cứ và chứng minh được người phạm tội ở các giai đoạn

trước đó; là việc buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội tại phiên tòa bằng các phương thức được pháp luật quy định, đây là đặc điểm quan trọng nhất vì nó thể hiện đầy đủ nhất quyền năng của VKS tại phiên tòa được thực hiện thông qua người đại diện của VKS là Kiểm sát viên. ii) Về đối tượng: là hành vi phạm tội và người phạm tội. iii) Về phạm vi: là thời điểm bắt đầu của giai đoạn xét xử sơ thẩm, tức là từ khi VKS chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án và kết thúc bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Đối với việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKS cấp huyện, cần nhận thấy rằng, về trình tự, thủ tục thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự giữa các cấp VKS là không có sự khác biệt, nhưng về phạm vi thẩm quyền thực hành quyền công tố lại có sự khác nhau. Theo quy định của Bộ luật TTHS, VKS cấp nào thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì VKS cấp đó quyết định việc truy tố. Thẩm quyền truy tố của VKS được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với vụ án. Theo đó, Điều 268 Bộ luật TTHS 2015 quy định về thẩm quyền xét xử như sau: TAND cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật hình sự. Theo đó, Bộ luật hình sự 2015 quy định: Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm; Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm đến 07 năm tù; Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm đến 15 năm tù. Như vậy, thực hành quyền công tố của

VKSND cấp huyện chỉ giới hạn đối với các loại tội phạm mà mức của khung hình phạt cao nhất là đến 15 năm tù. Bên cạnh đó, VKS cấp huyện theo quy định của pháp luật còn thực hiện việc ủy quyền thực hành quyền công tố, theo đó đối với vụ án do VKS cấp trên thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra thì VKS cấp trên quyết định việc truy tố. Chậm nhất là 02 tháng trước khi kết thúc điều tra, VKS trên phải thông báo cho VKS cấp dưới cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án để cử KSV tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án. Ngay sau khi quyết định truy tố, VKS cấp trên ra quyết định phân công cho VKS cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử; sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng, VKS cấp dưới có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo đúng quy định của Bộ luật TTHS.

1.2. Nội dung, quy trình thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Theo quy định pháp luật ở nước ta hiện nay, nội dung và quy trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tập trung vào các nội dung.

1.2.1. Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa

Cáo trạng là văn bản pháp lý do VKS lập để truy tố người phạm tội ra trước Tòa án, đây là hoạt động đầu tiên của việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa nhằm công khai hành vi phạm tội của bị cáo và cũng là cơ sở để Tòa án tiến hành hoạt động xét hỏi. Thông thường, KSV công bố Cáo trạng đã được chuyển cùng hồ sơ vụ án, tuy nhiên, trong những trường hợp đặc biệt, khi có sự thay đổi nhận thức, đánh giá chứng cứ hoặc trên những phát sinh mới trong quá trình chuẩn bị xét xử, nếu cần thiết thì KSV trình bày ý kiến bổ sung nhưng ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Tại phiên tòa, nếu có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố, có tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo và làm thay đổi quyết định truy tố hoặc đường lối xử lý đã được lãnh đạo cho ý kiến, thì KSV quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, sau phiên tòa KSV phải báo

cáo ngay với lãnh đạo đơn vị. Trường hợp tình tiết mới đưa ra tại phiên tòa có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo VKS quyết định. Đối với vụ án được áp dụng theo thủ tục rút gọn, KSV công bố quyết định truy tố theo quy định tại Điều 463 Bộ luật TTHS năm 2015, các trình tự, thủ tục khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này nhưng không tiến hành nghị án [6].

1.2.2. Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ

- *Đối với việc xét hỏi:* Xét hỏi thực chất là quá trình tiếp tục điều tra công khai tại phiên tòa với sự có mặt của tất cả các chủ thể liên quan đến vụ án. Về phía VKS, KSV sử dụng kết quả của xét hỏi để thực hiện luận tội, rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn... Việc tham gia xét hỏi là bắt buộc đối với KSV, trước khi tham gia phiên tòa, KSV phải dự thảo đề cương xét hỏi theo mẫu của VKSNDTC và lưu hồ sơ kiểm sát, dự kiến những nội dung cần làm sáng tỏ, các tình huống khác có thể phát sinh tại phiên tòa, chú ý các mâu thuẫn và cách xét hỏi để giải quyết nhằm bác bỏ những lời chối tội không có cơ sở, chuẩn bị các câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề mà người bào chữa quan tâm. Tại phiên tòa, KSV theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của HĐXX, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác và ý kiến trả lời của người được xét hỏi, chủ động tham gia xét hỏi theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa để xác định sự thật khách quan của vụ án, làm sáng tỏ hành vi phạm tội, tội danh, vai trò, vị trí của từng bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp... Khi có người tham gia tố tụng xuất trình chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới tại phiên tòa, KSV cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó để kết luận về tính hợp pháp và tính có căn cứ của chứng cứ, tài liệu, đồ vật. Trường hợp chưa đủ căn cứ kết luận mà chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới đó có thể làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án thì KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để xác minh. Ngoài xét hỏi bị cáo, KSV có quyền hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản theo quy định tại Bộ luật TTHS. Khi thực hiện việc xét hỏi phải xét

hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi.

- *Xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ*: Theo quy định tại Điều 312 Bộ luật TTHS năm 2015 thì vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa. Khi cần thiết, HĐXX có thể cùng với KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được. KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng. HĐXX, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng. Đối với việc xem xét tại chỗ, khi xét thấy cần thiết thì HĐXX có thể cùng với KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Theo quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử năm 2017, đối với những chứng cứ, tài liệu, đồ vật do cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc Tòa án cung cấp thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật, KSV phải xem xét báo cáo lãnh đạo VKS và chuyển lại chứng cứ, tài liệu, đồ vật này cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án và sao chụp để lưu hồ sơ kiểm sát [32].

1.2.3. Thực hiện việc luận tội đối với bị cáo

Luận tội có ý nghĩa hết sức quan trọng, mở đầu cho giai đoạn tranh luận, luận tội là sự buộc tội trực tiếp, chính thức và cuối cùng của VKS đối với bị cáo. Đây là căn cứ để bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tiến hành bào chữa, làm tốt việc luận tội cũng chính là làm tốt chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự. Nội dung thực hiện việc luận tội là phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; mức bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Trước khi tham gia phiên tòa, KSV phải dự thảo bản luận tội theo mẫu của VKSNDTC và lưu hồ sơ kiểm sát. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, KSV báo cáo lãnh đạo VKS cho ý kiến về dự thảo bản luận tội. Tại phiên tòa, KSV phải ghi chép đầy đủ việc kiểm tra những chứng cứ, tài liệu, đồ vật tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự và những người tham gia tố tụng khác để hoàn chỉnh dự thảo bản luận tội. Sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV trình bày bản luận tội và kết luận vụ án theo hướng sau: đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn; kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật; kết luận về một tội danh khác bằng hoặc nhẹ hơn tội danh mà VKS đã truy tố nếu có căn cứ và các nội dung khác theo mẫu của VKSNDTC.

1.2.4. Tranh luận tại phiên tòa

Tác giả đồng tình với quan điểm: tranh luận của KSV tại phiên tòa sơ thẩm về hình sự là sự trả lời lại, sự bàn cãi giữa KSV với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nhằm làm rõ sự thật khách quan về mọi tình tiết buộc tội, tăng nặng, giảm nhẹ của vụ án, giúp HĐXX ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật [1, tr.258]. Theo quy định tại Điều 322 Bộ luật TTHS năm 2015 thì: bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm

cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình, KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Đối đáp, tranh luận của KSV tại phiên tòa hình sự thể hiện tính công khai, dân chủ, việc đối đáp, tranh luận của KSV sẽ đảm bảo tôn trọng sự thật khách quan của vụ án, tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác, đảm bảo dân chủ, bình đẳng và có văn hóa ứng xử, thuyết phục, hợp lý.

Khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa, KSV bắt buộc phải tranh luận. KSV dự kiến những vấn đề cần tranh luận tại phiên tòa, đề cương tranh luận được dự thảo theo mẫu của VKSNDTC và lưu hồ sơ kiểm sát. Tại phiên tòa, KSV phải ghi chép đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng để chuẩn bị tranh luận. KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và lập luận để đối đáp đến cùng đối với từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác. Nếu vụ án có nhiều người bào chữa cho bị cáo hoặc những người tham gia tố tụng khác có cùng ý kiến về một nội dung thì KSV tổng hợp lại để đối đáp chung cho các ý kiến đó. Trường hợp chủ tọa phiên tòa đề nghị KSV đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác chưa được tranh luận thì KSV thực hiện theo đề nghị của chủ tọa phiên tòa, nếu đã tranh luận một phần thì KSV tranh luận bổ sung cho đầy đủ, không lặp lại những nội dung đã tranh luận trước. Trường hợp cần xem xét thêm chứng cứ, HĐXX quyết định trở lại việc xét hỏi thì sau khi xét hỏi xong KSV phải tiếp tục tranh luận theo quy định. Khi tranh luận, KSV phải bình tĩnh, khách quan và tôn trọng ý kiến của những người

tham gia tố tụng, ghi nhận ý kiến đúng đắn và bác bỏ những ý kiến, đề nghị không có căn cứ pháp luật. Đối với vụ án phức tạp, có nhiều KSV tham gia phiên tòa thì lãnh đạo VKS phải phân công cụ thể cho từng KSV chuẩn bị các nội dung, chứng cứ, lập luận để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

1.2.5. Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là việc VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Căn cứ kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015, đây chính là là một hạn chế cần tiếp tục được khắc phục. Tuy nhiên, có thể xem xét căn cứ kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 32 quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử là: Khi phát hiện bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo VKS cấp mình để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Nếu quá thời hạn kháng nghị theo quy định của Bộ luật TTHS mới phát hiện vi phạm pháp luật hoặc phát hiện có tình tiết mới thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình đề nghị Viện trưởng VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm kèm theo các tài liệu có liên quan như bản án, quyết định sơ thẩm, biên bản phiên tòa. Khi nhận được đề nghị kháng nghị của VKS cấp dưới, VKS cấp trên xem xét rút hồ sơ vụ án, phân công KSV nghiên cứu để báo cáo Viện trưởng xem xét việc kháng nghị (nếu có căn cứ). Sau khi quyết định việc kháng nghị, VKS cấp trên trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm để giải quyết theo quy định của pháp luật [32, tr.16]. Như vậy, hoạt động kháng nghị thể hiện sự không đồng tình của VKS với phán quyết của Tòa án, VKS là chủ thể duy nhất có chức năng buộc tội nên hoạt động kháng nghị của VKS nhằm bảo vệ việc buộc tội của mình. Hoạt động kháng nghị sau phiên tòa sơ thẩm của VKS có mối quan hệ mật thiết với hoạt động thực hiện chức năng buộc tội.

1.2.6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

- *Giải quyết việc rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa:* Theo quy

định tại Điều 285 Bộ luật TTHS năm 2015 thì, khi xét thấy có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự, thì VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Như vậy, có thể thấy việc rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa sơ thẩm vừa là một quyền năng, vừa là trách nhiệm của VKS, đây còn là biện pháp nhằm khắc phục những sai lầm của VKS sau khi đã ban hành cáo trạng, tránh tình trạng tòa tuyên bị cáo không phạm tội. Phạm vi rút quyết định truy tố là khoảng thời gian hồ sơ vụ án chuyển sang Tòa án đến trước khi Tòa án mở phiên tòa, giới hạn của việc rút quyết định truy tố là rút toàn bộ quyết định truy tố chứ không rút một phần quyết định truy tố, bởi lẽ, việc rút quyết định truy tố trong trường hợp này thì Tòa án đình chỉ vụ án. Trước khi mở phiên tòa, nếu xét thấy có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố thì KSV được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án phải báo cáo đề xuất lãnh đạo VKS xem xét, quyết định. Việc rút quyết định truy tố phải bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định rút quyết định truy tố được lập theo mẫu của VKSNDTC và lưu hồ sơ kiểm sát. Trường hợp rút toàn bộ quyết định truy tố thì đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, nếu có căn cứ rõ ràng để rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn trong cùng điều luật làm thay đổi quyết định truy tố hoặc đường lối xử lý đã được lãnh đạo VKS cho ý kiến thì KSV quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo VKS. Trường hợp có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì KSV đề nghị HĐXX trả hồ sơ vụ án cho VKS để xem xét và báo cáo lãnh đạo VKS quyết định. Đối với vụ án do VKS cấp trên phân công cho VKS cấp dưới thực hành quyền công tố, nếu tại phiên tòa xét xử có những tình tiết khác với nội dung truy tố của VKS cấp trên thì KSV đề nghị hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp HĐXX vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, sau phiên tòa, KSV phải

báo cáo ngay với lãnh đạo VKS cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định.

- *Giải quyết việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung*: Khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì KSV phải nghiên cứu kỹ quyết định của Tòa án, nếu thấy có căn cứ thì báo cáo lãnh đạo VKS để trực tiếp điều tra bổ sung hoặc ra quyết định trả hồ sơ vụ án cho CQĐT tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật; nếu thấy không có căn cứ hoặc không điều tra bổ sung được những vấn đề Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Trường hợp trước khi xét xử, nếu thấy có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS xem xét và có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung những vụ án do VKS cấp trên quyết định truy tố và phân công cho VKS cấp dưới thực hành quyền công tố thì thực hiện theo quy chế nghiệp vụ khác có liên quan của VKSNDTC, KSV chú ý kiểm sát thời hạn tạm giam bị can, bị cáo; kịp thời yêu cầu Tòa án tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo để bảo đảm việc giải quyết vụ án. Sau khi có kết quả điều tra bổ sung, nếu có căn cứ đình chỉ vụ án thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS quyết định và thông báo bằng văn bản cho Tòa án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp Tòa án trả hồ sơ với lý do bị cáo phạm một tội khác hoặc về tội nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo VKS xem xét, quyết định. Nếu kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi quyết định truy tố thì KSV phải báo cáo lãnh đạo VKS ban hành bản cáo trạng mới thay thế bản cáo trạng trước đó.

1.3. Những yếu tố đảm bảo thực hành quyền công tố của VKSND trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.1. Yếu tố pháp lý

Khi thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng, KSV phải áp dụng các quy định của Hiến pháp, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các ngành luật khác có liên quan như dân sự, tài chính, ngân hàng, đất đai, hành chính...nhằm đảm bảo việc xét xử đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Do vậy, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thực hành quyền công tố, khi các quy định của pháp luật đầy đủ, phù hợp, thống nhất, cụ thể, rõ ràng thì việc hiểu, thực hiện, áp dụng các quy định của pháp luật để của KSV chính xác, thống nhất. Ngược lại, nếu các quy định của pháp luật này không đầy đủ, cụ thể hoặc mâu thuẫn, chồng chéo... sẽ gây khó khăn cho KSV thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động này. Nói cách khác, hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự phụ thuộc vào sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan. Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động này tập trung ở 4 tiêu chuẩn cơ bản là: i) Tính toàn diện của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động, đòi hỏi hoạt động tố tụng của KSV đều phải được điều chỉnh bằng pháp luật, không có hoạt động tố tụng nào nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp luật; ii) Sự toàn diện của hệ thống pháp luật liên quan không những thể hiện ở sự đầy đủ của các nhóm văn bản trên mà còn thể hiện ở sự đầy đủ của từng văn bản, thậm chí là từng quy định của pháp luật; iii) Tính đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động, đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này thống nhất, không mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau; iv) Tính phù hợp của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này phù hợp với trình độ phát triển của xã hội mà cụ thể ở đây là điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tố tụng, ý thức pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa, trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan...[25, tr.66].

1.3.2. Yếu tố về tổ chức bộ máy, con người

Theo Luật tổ chức VKSND năm 2014, đã thiết lập hệ thống tổ chức VKS thành bốn cấp gồm: VKS tối cao, VKS cấp cao, VKS cấp tỉnh, VKS cấp huyện, cơ cấu tổ chức của VKS các cấp quy định bảo đảm bao quát được toàn bộ các loại hình

đơn vị ở các cấp VKS; thành lập VKS cấp cao có nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp cao; kiện toàn cơ cấu tổ chức của VKS cấp huyện theo hướng tổ chức “*văn phòng và các phòng*”, việc thành lập các đơn vị cấp phòng tại VKS cấp huyện vừa tăng cường hiệu quả công tác quản lý, điều hành, đảm bảo tính chuyên sâu, phù hợp với việc thành lập các tòa chuyên trách của TAND cấp huyện. Đối với các VKS cấp huyện chưa đủ điều kiện thành lập phòng (ở miền núi, hải đảo, khối lượng công việc ít) thì vẫn giữ nguyên mô hình các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc như hiện nay. Cách tổ chức như vậy vừa linh hoạt, vừa phù hợp với thực tiễn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng VKS cấp huyện. Việc hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của VKS, đã tạo ra cơ sở pháp lý thuận lợi cho VKS thực hiện có hiệu quả chức năng của mình, đặc biệt là chức năng thực hành quyền công tố.

Yếu tố con người đảm bảo cho việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, chủ yếu phụ thuộc vào đội ngũ KSV của VKS trên các phương diện: Ý thức chính trị, đạo đức của KSV; Ý thức pháp luật của KSV; Kỹ năng nghề nghiệp của KSV. Trong đó kỹ năng nghề nghiệp là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

1.3.3. Yếu tố cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị; chế độ đãi ngộ

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của KSV bao gồm trụ sở làm việc, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc phát hiện, cập nhật, lưu giữ các thông tin tội phạm, các thông tin phục vụ cho công tác nghiệp vụ, các phương tiện để quản lý hồ sơ án hình sự và các hoạt động nghiệp vụ khác, các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin... Đối với hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự cũng vậy, nếu cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và điều kiện làm việc tốt, đầy đủ, hiện đại... thì sẽ tạo điều kiện để KSV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, ngược lại, nếu cơ sở vật chất, điều kiện làm việc thiếu thốn, lạc hậu... sẽ gây khó khăn cho hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự nói

riêng và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung. Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, KSV làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự còn cần được trang bị kỹ thuật đặc thù như phương tiện để tra cứu cơ sở dữ liệu luật, các phương tiện cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, phương tiện đi lại, thông tin... phục vụ cho hoạt động tại phiên tòa, nhất là những vụ án xét xử lưu động...

Chế độ đãi ngộ đối với KSV cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, nếu các chế độ đãi ngộ được tốt thì KSV sẽ không phải lo đời sống của bản thân và gia đình, toàn tâm, toàn ý vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và như vậy sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Điều này còn tạo điều kiện thu hút những người có trình độ chuyên môn giỏi ngoài ngành vào phục vụ cho ngành, do vậy, để hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự của KSV được đảm bảo theo yêu cầu theo tinh thần cải cách tư pháp hiện nay cần phải quan tâm đến việc bảo đảm cơ sở vật chất, quan tâm đến chế độ chính sách đối với đội ngũ KSV làm công tác thực hành quyền công tố phiên tòa sơ thẩm xử hình sự.

1.3.4. Sự phối hợp của các cơ quan tố tụng cùng cấp

Trước hết là công tác phối hợp liên ngành giữa VKSND, TAND, Công an cùng cấp thông qua việc ban hành các Quy chế phối hợp trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự; trong tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động, phiên tòa rút kinh nghiệm, qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành quyền công tố. Quan hệ giữa VKS với các ngành, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng là cơ sở vững chắc cho VKS thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị trong đấu tranh, phòng chống tội phạm, trong đó, mối quan hệ giữa VKS và Mặt trận tổ quốc và các thành viên đóng một vai trò quan trọng, vì vậy, VKS các địa phương phải chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc để ban hành quy chế phối hợp công tác, từ đó mở rộng

các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao nhận thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện có hiệu quả công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động áp dụng pháp luật trong giải quyết án hình sự của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

1.3.5. Công tác giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền

Theo các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 và các văn bản pháp luật hiện hành thì HĐND thực hiện hoạt động giám sát các cơ quan tư pháp thông qua các hoạt động: xem xét báo cáo công tác của VKSND, TAND cùng cấp (trong đó có công tác thực hành quyền công tố trong xét xử); xem xét việc trả lời chất vấn của Viện trưởng VKS, Chánh án TAND cùng cấp tại các kỳ họp, yêu cầu VKS, TAND cùng cấp báo cáo về những vấn đề khác khi xét thấy cần thiết. Hoạt động giám sát của HĐND đối với các cơ quan tư pháp trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đổi mới và cải cách tư pháp, trên thực tế, hoạt động này còn mang tính hình thức... Do đó, trong thời gian đến cần nâng cao chất lượng giám sát của HĐND, của các đại biểu HĐND đối với hoạt động của VKS và các cơ quan tư pháp khác, xem xét để điều chỉnh lại hoạt động giám sát của HĐND đối với VKS cho phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra của VKSND cấp trên, các phòng chuyên môn đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, do đó Thủ trưởng cơ quan VKS cấp trên, lãnh đạo các phòng chuyên môn cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và quản lý chặt chẽ công tác này, đặc biệt là việc phân công KSV thụ lý giải quyết các vụ án hình sự phù hợp với khả năng, sở trường của mỗi người, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chủ động họp bàn với CQĐT kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Tiểu kết Chương 1

Trên cơ sở phân tích các vấn đề lý luận, các quy định của Hiến pháp, Luật và các văn bản hướng dẫn, luận văn đã phân tích và đi đến thống nhất một số nội dung về giai đoạn xét xử sơ thẩm; quyền công tố, thực hành quyền công tố và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; chức năng, nhiệm vụ của VKS trong thực hành quyền công tố; nội dung, quy trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; cũng như phân tích các yếu tố đảm bảo thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đây là những cơ sở mang tính chất nền tảng, định hướng cho việc tiếp tục nghiên cứu những nội dung liên quan đến thực hành quyền công tố của trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Qua đó, một lần nữa có thể khẳng định, thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm được thực hiện bởi cơ quan duy nhất là VKS mà không một cơ quan nào có thể thay thế chức năng này. Việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sẽ chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố pháp luật, bộ máy, con người, cơ sở vật chất... Với những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã phân tích trên, đã tạo ra cơ sở định hướng về lý luận, pháp lý để tác giả nhận thức đúng đắn, phù hợp, tạo tiền đề nghiên cứu những nội dung đặt ra tại chương 02 của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

2.1.1. *Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố của VKS huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

2.1.2. *Về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, KSV*

Trước yêu cầu mới của cải cách tư pháp đặt ra đối ngành, cũng như đối với địa phương, trong những năm qua, VKS huyện đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo yêu cầu. Đến nay, về cơ bản tổ chức bộ máy VKS được tổ chức hợp lý, đúng quy định, đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, đáp ứng yêu cầu cải cách hiện nay.

Công tác tổ chức cán bộ được đơn vị quan tâm thường xuyên, phân công trách nhiệm cụ thể, tăng cường kiểm tra công việc giao cho cán bộ, công chức. Bố trí sắp xếp và tạo điều kiện để cán bộ, KSV được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo Kế hoạch của ngành từng năm, giới thiệu cán bộ thi tuyển KSV sơ cấp, thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các giai đoạn. Phân công CB, CC vào vị trí việc làm phù hợp với năng lực công tác của từng người, thực hiện việc phân công trách nhiệm cho từng cá nhân khi xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch, chương trình công tác... [40]. Với số lượng và chất lượng được thống kê năm 2017 và diễn biến về tình hình tội phạm thì, với biên chế 12 người (kể cả hợp đồng) cho đến nay về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. Trong số 12 CB, CC đều có trình độ đại học, trong đó 11/12 CB, CC có trình độ chuyên môn đại học Luật, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng được tiêu chuẩn quy định, đây là điều kiện thuận lợi để VKS huyện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, với diễn biến tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, án ngày

càng phức tạp, sự thay đổi trong các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tố tụng hình sự...thì áp lực công việc đối với đội ngũ KSV trong thời gian đến sẽ rất lớn, đòi VKS tỉnh, VKS huyện cần quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng nghiệp vụ để đội ngũ KSV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.1.3. Công tác phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền

Cấp ủy, lãnh đạo đơn vị VKS huyện đã chủ động xây dựng quy chế phối hợp với CQĐT, TAND cùng cấp và các cơ quan ban ngành trên địa bàn huyện. Đối với cấp ủy, quan hệ giữa VKS và cấp ủy địa phương được thực hiện thường xuyên, liên tục, đặc biệt chấp hành tốt việc báo cáo công tác kiểm sát tháng, quý, 06 tháng, cả năm, báo cáo chuyên đề, báo cáo công tác nội chính và phòng chống tham nhũng cho cấp ủy theo dõi, chỉ đạo kịp thời. *“Chủ động tham mưu đề xuất và xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy từ các vụ án phức tạp, có nhiều vướng mắc; tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành hữu quan và các cơ quan tư pháp, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị tại địa phương.”* [39]. Đối với Tòa án cùng cấp lãnh đạo Viện, KSV đã chủ động phối hợp với Thẩm phán được phân công xét xử các vụ án hình sự để trao đổi, tháo gỡ những vướng mắc những vấn đề liên quan đến thủ tục tố tụng hoặc đánh giá chứng cứ, đối với những trường hợp phức tạp, có nhiều ý kiến khác nhau thấy khi cần thiết thì báo cáo lãnh đạo VKS, Tòa án, CQĐT để xem xét thống nhất cách giải quyết. Đối với VKS cấp trên, VKS huyện đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời việc phối hợp với các phòng nghiệp vụ của VKSND tỉnh và sau khi thực hành quyền công tố, KSV đã báo cáo kịp thời kết quả xét xử các vụ án cho lãnh đạo đơn vị và Phòng 3. Tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả cao hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đòi hỏi trong thời gian đến cấp ủy, lãnh đạo đơn vị tiếp tục thực hiện công tác phối hợp một cách chặt chẽ, toàn diện với các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan nội chính, UBMTTQ Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên. Tăng cường công tác báo cáo, tham mưu, đề xuất với Huyện ủy chỉ đạo giải quyết những vấn đề phức tạp, quan điểm giữa các ngành không thống

nhất... cũng như phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong VKSND tỉnh trong hoạt động nghiệp vụ và trong hoạt động chỉ đạo, điều hành.

2.1.4. Công tác quản lý, điều hành, kiểm tra

Quán triệt sâu sắc nguyên tắc tổ chức và hoạt động tại Luật Tổ chức VKSND năm 2014, VKS huyện đã chú trọng tăng cường vai trò của Viện trưởng, trước hết là nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Viện trưởng trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, sau đó là quán triệt đến từng cán bộ, kiểm sát viên, khắc phục việc Viện trưởng quá bận vào công việc hội họp, các công việc hành chính, không tập trung vào các hoạt động thực hành quyền công tố mà giao công việc đó cho cấp phó và các KSV dưới quyền. Qua đó, đã nâng cao vai trò là người lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của VKS cấp mình và cấp dưới, trước hết là trách nhiệm trong công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, bảo đảm các quyết định pháp lý được ban hành phải chính xác, hợp pháp và có căn cứ.

Đối với công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự, VKS huyện đã thực hiện tốt việc quản lý số lượng án thụ lý giải quyết theo những mốc thời gian nhất định (tuần, tháng, quý...). Chú ý đến những vụ án mà bị cáo kêu oan, chối tội, những vụ án mà dư luận quan tâm, những trường hợp VKS kháng nghị, cũng như chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự của từng KSV của đơn vị. Chỉ đạo đường lối giải quyết đối với từng vụ án (cho ý kiến về điều, khoản áp dụng đối với từng bị cáo, loại hình phạt, mức hình phạt áp dụng, các trường hợp đình chỉ vụ án, hủy án sơ thẩm, thay đổi tội danh, thay đổi loại hình phạt, mức hình phạt... so với cấp sơ thẩm...). Chỉ đạo việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự cho cán bộ, KSV. Thực hiện điều hành, phân công KSV thụ lý, nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia phiên tòa kịp thời, đảm bảo phù hợp với chuyên môn, kinh nghiệm. Để KSV nắm chắc hồ sơ vụ án đã thực hiện tốt việc phân công KSV trực tiếp thực hành quyền công tố và KSV kiểm sát điều tra

vụ án tiếp tục thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trừ trường hợp đặc biệt mới phân công KSV khác thay thế.

Bên cạnh đó, lãnh đạo Viện đã trực tiếp thực hiện kiểm tra, tổ chức kiểm tra việc thực hành quyền công tố phiên tòa xét xử hình sự của KSV, nhằm phát hiện những thiếu sót, vi phạm để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục. Thực hiện việc tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự trong phạm vi địa bàn phụ trách. Phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan (CQĐT, Tòa án, chính quyền địa phương nơi mở phiên tòa lưu động...) trong việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động

2.1.5. Cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị; chế độ đãi ngộ cho KSV

Thực hiện Đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành VKS (giai đoạn 2006-2010) các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác nghiệp vụ đã được mua sắm, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trụ sở làm việc được xây dựng, một số cơ sở vật chất khác được sửa chữa chống xuống cấp đã được thực hiện đáp ứng được cơ bản yêu cầu làm việc của đơn vị. Bên cạnh đó, thực hiện Đề án tin học hoá quản lý nhà nước, ngành đã chú trọng đầu tư trang thiết bị, đào tạo cán bộ và ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực công tác của VKS huyện, hiện đang triển khai xây dựng phần mềm quản lý án hình sự và quản lý nghiệp vụ kiểm sát thống nhất trong toàn ngành. Tuy nhiên, so với yêu cầu chung, đặc biệt là yêu cầu về việc tăng thẩm quyền và cải cách tư pháp thì cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, trụ sở làm việc còn chật hẹp, một số cơ sở vật chất đang có dấu hiệu xuống cấp; các phương tiện được cấp, mua sắm đã xuống cấp, đặc biệt là các phương tiện dùng cho việc thực hiện các nghiệp vụ như: tham gia các cuộc khám nghiệm hiện trường, thực hiện nghiệp vụ tại phiên tòa sơ thẩm, tăng cường phối hợp với Tòa án tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động, kiểm sát trực tiếp tại các nơi tạm giữ, tạm giam, trại giam...thực trạng nêu trên đã phần nào gây khó khăn VKS huyện thực hiện việc quản lý, điều hành, chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ công tác trong thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự nói riêng và tăng thẩm quyền cho cấp huyện cả về hình sự và dân sự theo

quy định pháp luật hiện nay.

Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ cho KSV về lương, phụ cấp nhìn trong toàn ngành và VKS cấp huyện còn thấp, đời sống của cán bộ, KSV còn gặp nhiều khó khăn... đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng thực hành quyền công tố của các KSV, do đó, để KSV có thể an tâm công tác, tập trung tất cả tinh thần, trí tuệ, toàn tâm, toàn ý cho công việc thì cần có chính sách tiền lương phù hợp và các chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ, KSV để có điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị giao động, sa ngã trước mọi tác động, cám dỗ, mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Đây chính là yếu tố tạo động lực, khuyến khích cho mỗi cán bộ, KSV thêm yêu ngành, yêu nghề hơn, nhiệt huyết trong công việc, cống hiến trọn vẹn, lâu dài cho ngành Kiểm sát, phụng sự Đảng ta và nhân dân.

2.2. Những kết quả đạt được của công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Đối với hoạt động công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa

Đối với công tác này, lãnh đạo VKS huyện đã quan tâm và chỉ đạo các KSV tập trung nghiên cứu hồ sơ vụ án để phục vụ tốt cho việc xây dựng cáo trạng đạt chất lượng cao nhất. Việc xây dựng bản cáo trạng tại VKS huyện được thực hiện đầy đủ, đúng các quy trình đã được hướng dẫn và quy định trong các quy chế nghiệp vụ của ngành từ việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra do CQĐT chuyển tới, đến việc viết dự thảo, chỉnh sửa dự thảo và trình lãnh đạo Viện phê duyệt cáo trạng, nhất là việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra. Đa số các bản cáo trạng của VKS huyện đều được xây dựng theo đúng mẫu quy định của VKSNDTC, tuân thủ kỹ thuật xây dựng văn bản, thực hiện việc ký đúng thẩm quyền quy định. Bố cục cáo trạng được xây dựng đảm bảo tính khoa học, văn phong trong sáng. Nội dung bản cáo trạng đã thể hiện tương đối đầy đủ các nội dung quy định của Điều 167 Bộ luật TTHS năm 2003 và mẫu số 107 ban hành kèm theo Quy chế số 07 của Viện trưởng VKSNDTC, cũng như nội dung quy định tại

Điều 243 Bộ luật TTHS năm 2015 trên các nội dung: ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội, những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, đặc điểm nhân thân của bị can, việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng, nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, phần kết luận của cáo trạng thể hiện rõ tội danh và các điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS, các căn cứ pháp lý khác có liên quan đến vụ án. Về cơ bản các bản cáo trạng của VKS huyện đã phản ánh đầy đủ và trung thực nội dung vụ án đã được điều tra, thu thập và thể hiện trong hồ sơ vụ án cùng với các bút lục hồ sơ cụ thể để chứng minh mọi diễn biến hành vi phạm tội.

KSV được phân công thực hành quyền công tố tại phiên tòa khi công bố cáo trạng đã thể hiện được phong thái đĩnh đạc, trình bày rõ ràng, mạch lạc, dứt khoát thể hiện được sự uy nghiêm người đại diện của cơ quan thực hiện chức năng công tố tại phiên tòa. Việc công bố cáo trạng nhìn chung đạt chất lượng, các KSV nắm được kỹ năng nghiệp vụ và kết hợp với theo dõi các diễn biến tại phiên tòa, trong một số vụ án KSV thực hành quyền công tố đã kịp thời thay đổi cáo trạng khi có tình tiết, chứng cứ mới đã được làm rõ tại phiên tòa để việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Kết quả nêu trên thể hiện rõ trong giai đoạn 2011 - 2017 VKS huyện đã truy tố 240 vụ/437 bị cáo, TAND huyện đã xét xử 196 vụ/370 bị cáo, tương ứng VKS huyện đã ban hành 196 bản cáo trạng. Riêng trong năm 2016, VKS đã không chấp nhận thụ lý để điều tra bổ sung, giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, yêu cầu Tòa án tiếp nhận lại hồ sơ để xét xử theo quy định của pháp luật đối với 03 vụ/05bc. Ví dụ: vụ Lê Quốc Tấn - K1Đ202, Hồ Tấn Tịnh - K2Đ202 BLHS. Lý do Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung là yêu cầu giám định trạng thái tâm thần của người bị hại để xác định năng lực hành vi dân sự, qua đó xác định có người đại diện theo pháp luật không theo điểm c, khoản 1 Đ 179 BLTTHSĐ. VKS huyện đã không chấp nhận trả hồ sơ điều tra bổ sung và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị can Lê Quốc Tấn

và Hồ Tấn Tịnh với lý do: Người bị hại bị thương tích 87 – 90% và từ chối giám định tâm thần, nên việc CQĐT cử người đại diện cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật. Lý do yêu cầu điều tra bổ sung qua các năm chủ yếu là do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa và có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội khác. Đạt được kết quả nêu trên cho thấy, công tác chuẩn bị, nghiên cứu hồ sơ, xây dựng bản cáo trạng đã được VKS huyện và các KSV thực hiện tốt, đúng quy định của pháp luật. Việc xây dựng được bản cáo trạng đạt yêu cầu, có chất lượng đã tạo ra tiền đề quan trọng để các KSV được phân công thực hành quyền công tố thực hiện có hiệu quả các bước tiếp theo của hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm.

2.2.2. Đối với hoạt động xét hỏi và xem xét vật chứng tại phiên tòa

Tổng hợp kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giai đoạn 2011 – 2017 và 6 tháng 2018, trong số 259 vụ án hình sự với 463 bị cáo đã được VKS huyện Mộ Đức ra quyết định truy tố, có 211 vụ án với 412 bị cáo đã được VKS huyện Mộ Đức ra quyết định truy tố và Tòa án xét xử không có vụ án nào VKS không tham gia xét hỏi. Điều này cho thấy, các KSV được phân công thực hành quyền công tố đối với vụ án hình sự đã chủ động nghiên cứu nội dung vụ án. Việc xây dựng đề cương xét hỏi được tuân thủ theo Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện trưởng VKSNDTC. Đa số đề cương gắn với việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, dự kiến đầy đủ các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa, nhiều đề cương xét hỏi xây dựng được đánh giá có chất lượng tốt, đối với những vụ án phức tạp đều được đưa ra trao đổi nghiệp vụ trong tập thể cơ quan để góp ý vào đề cương xét hỏi. Việc chuẩn bị đề cương hỏi có chất lượng và cùng với việc theo dõi diễn biến tại phiên tòa, đối chiếu với các chứng cứ khác và dự kiến được những tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, nên KSV khi thực hiện việc xét hỏi có trọng tâm, tránh trùng lặp với các câu hỏi của HĐXX, KSV chủ động tham gia xét hỏi theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa, việc xét hỏi tuân thủ đúng trình tự quy định. Bên cạnh đó, trong xét hỏi, câu hỏi của các KSV ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, không mang tính ép buộc, mớm cung, dụ cung, nội dung hỏi tập trung vào làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, các

yếu tố cấu thành tội phạm, bảo vệ được sự buộc tội đối với bị cáo theo đúng nội dung cáo trạng. Thái độ của KSV khi xét hỏi đúng mực, lịch sự, nghiêm túc, xung hô chuẩn mực. Khi người tham gia tố tụng xuất trình chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới tại phiên tòa, KSV tham gia thực hành quyền công tố đã chủ động xét hỏi về nguồn gốc, nội dung chứng cứ, tài liệu, đồ vật để kết luận về tính hợp pháp và tính có căn cứ làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Trên cơ sở xét hỏi, KSV còn thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, xem xét lời khai của bị cáo có phù hợp với vật chứng, và các tình tiết khác của vụ án không để làm rõ bản chất vụ án. Việc kiểm tra, xem xét vật chứng đối với các vụ án: Cố ý gây thương tích, vi phạm quy định điều khiển giao thông đường bộ, đánh bạc... được thực hiện đảm bảo quy định của Bộ luật TTHS.

2.2.3. Đối với việc luận tội tại phiên tòa

Đa số các báo cáo tổng kết công tác từ năm 2011 đến 2017 của VKS huyện Mộ Đức đánh giá, các bản luận tội tại phiên tòa sơ thẩm đều đáp ứng được yêu cầu như: nêu tóm tắt được nội dung vụ án, viện dẫn chứng cứ chứng minh khẳng định được tính có căn cứ của quyết định truy tố, phân tích được nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; phân tích vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá được nhân thân, nêu và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhận định, phân tích căn cứ giải quyết việc bồi thường, xử lý vật chứng [34], [35], [36], [37], [38], [39]. Nhiều phiên tòa, dư luận, báo chí và người tham dự phiên tòa đánh giá cao năng lực, trình độ của KSV thông qua việc xây dựng, trình bày bản luận tội hay bài phát biểu.

Bên cạnh đó, thực tiễn tại VKS huyện Mộ Đức cho thấy, đối với tất cả các vụ án từ năm 2011 đến nay, trước khi tham gia phiên tòa, KSV được phân công đều dự thảo bản luận tội theo mẫu của VKSNDTC. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động dự thảo bản luận tội đều có ý kiến của lãnh đạo VKS huyện. Tại phiên tòa, dự thảo bản luận tội đã được các KSV hoàn thiện thông qua việc kiểm tra chứng cứ, đồ vật cũng như ý kiến của những người tham gia tố tụng. KSV thực hành quyền công tố trình bày bản luận tội và kết luận vụ án theo đúng trình tự, thủ

tục, căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa. Về cơ bản nội dung luận tội thể hiện đầy đủ được những quy định tại Bộ luật TTHS, khoản 1 Điều 321 Bộ luật TTHS năm 2015 và đảm bảo được tính thuyết phục, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Văn phong, ngôn ngữ được viết trong sáng, mạch lạc, dễ hiểu, bố cục chặt chẽ, logic. Từ ngữ sử dụng chính xác, phổ thông mang tính pháp lý, nhiều bản luận tội mang tính thuyết phục cao đã bảo vệ cáo trạng, quan điểm truy tố của VKS và được HĐXX chấp nhận và dư luận xã hội, nhân dân địa phương đánh giá cao, đồng tình ủng hộ.

Bảng 2.1. Thống kê số vụ án/bị cáo bị truy tố được đưa ra xét xử giai đoạn 2011-2017 và 6/2018

Năm	Truy tố		Đưa ra xét xử sơ thẩm		Còn tồn chưa giải quyết		Tỷ lệ án đã được xét xử
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	
2011	48	124	37	108	11	16	77,1%
2012	32	52	29	49	3	3	87,9%
2013	29	44	26	40	3	4	89,7%
2014	39	72	28	53	9	9	71,7%
2015	38	79	35	74	4	5	92,1%
2016	31	39	25	29	6	10	80,6%
2017	23	27	16	17	6	10	69,6%
6/2018	19	26	15	19	4	7	80%
Tổng cộng	259	463	211	412	46	64	

Nguồn: Tổng hợp báo cáo công tác của Viện kiểm sát huyện Mộ Đức

Qua tổng hợp kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giai đoạn 2011 đến 2017 và 6 tháng 2018, có thể thấy, trong số 259 vụ án hình sự với 463 bị cáo đã được VKS huyện Mộ Đức ra quyết định truy tố 211 vụ án với 412 bị cáo đã hoàn tất xét xử sơ thẩm và tuân thủ đúng các quy định pháp luật, tỷ lệ các vụ án được xét xử chiếm trên 85% giai đoạn 2011 – 2017.

Thông qua việc luận tội, VKS đã ban hành các kiến nghị với chính quyền địa phương trong việc quản lý các lĩnh vực thuộc chức năng của mình, trong đó có kiến nghị vi phạm của Luật sư Trần Văn Hải và được Chủ tịch Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi có văn bản phúc đáp và chấp nhận. VKS chủ động phối hợp với Tòa án trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự, không có trường hợp nào VKS truy tố mà Tòa án tuyên không phạm tội.

2.2.4. Đối với hoạt động tranh luận tại phiên tòa

Đa số các KSV huyện được cử tham gia thực hành quyền công tố tại phiên tòa đều thực hiện nghiêm túc việc tranh luận theo các quy định tại Bộ luật TTHS, Luật tổ chức VKSND và Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Trong nhiều phiên tòa, do làm tốt công tác nghiên cứu kỹ hồ sơ, nghiên cứu các căn cứ pháp luật, chuẩn bị có chất lượng đề cương xét hỏi, dự kiến những tình huống phát sinh, xây dựng kế hoạch đối đáp dựa trên các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là những vụ án có người bào chữa, ghi chép đầy đủ và kịp thời diễn biến và những vấn đề mới, tình tiết mới xuất hiện tại phiên tòa, KSV đã chủ động đối đáp và làm rõ từng vấn đề Luật sư và người tham gia tố tụng khác đưa ra với lập luận sắc bén, có căn cứ. Nhiều KSV có thái độ nghiêm túc, cầu thị, sẵn sàng tiếp thu các quan điểm, luận cứ và luận chứng của người tranh luận đối lập khi thấy có lý, hợp pháp. Thông thường những nội dung tiếp thu là các tình tiết giảm nhẹ mới và đề nghị HĐXX công nhận, bổ sung khi đánh giá trách nhiệm hình sự với bị cáo. Các điểm mới phát sinh sau khi xét hỏi và tranh luận được KSV ghi chép và bổ sung kịp thời và dự thảo quan điểm của VKS (bản luận tội hoặc bài phát biểu quan điểm của KSV). Trước đây, khi tranh luận, KSV thường giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trong cáo trạng, đến nay, KSV đã tích cực, chủ động đối đáp với những lập luận sắc bén để bác bỏ ý kiến và những đề nghị không đúng của bị cáo, người bào chữa...nhằm bảo vệ quan điểm truy tố của VKS.

Thông qua tranh luận, nhiều KSV đã tự học hỏi, tổng hợp và xây dựng cho mình nhiều kỹ năng hỏi, lắng nghe và tổng hợp ý kiến, kỹ năng chứng minh, kỹ

năng phản biện, bác bỏ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong tranh luận....Văn hóa trong tranh luận cũng được các KSV chú ý khi tham gia tranh luận, thực tế cho thấy, nhiều phiên tòa trước đây diễn ra theo hai thái cực, hoặc là KSV né tránh, ngại tranh luận, giữ thái độ im lặng, hoặc có tranh luận thì áp đặt, quy chụp một cách khiên cưỡng, không có cơ sở, không thuyết phục; thái độ và ngôn từ tranh luận gay gắt, đao to búa lớn, không còn ý nghĩa tranh luận, “đôi co”, làm mất đi tính nghiêm minh trong xét xử. Thời gian qua, nhiều KSV đã quan tâm đến việc xây dựng cho mình văn hoá trong tranh tụng với khả năng trình bày tốt, nội dung tranh luận ngắn gọn súc tích, dễ hiểu, thái độ tranh luận khiêm tốn, không châm biếm, cao giọng, không mạt sát, kích động mà mềm dẻo, thuyết phục.

2.2.5. Đối với hoạt động kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội

Kháng nghị phúc thẩm là quyền năng pháp lý được Nhà nước giao cho VKS để kháng nghị đối với những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cùng cấp và cấp dưới trực tiếp khi phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm, nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh và kịp thời. Thực hiện các văn bản chỉ đạo trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện trưởng VKSNDTC, VKS huyện Mộ Đức đã bám sát các chỉ tiêu nghiệp vụ, chương trình và kế hoạch công tác của đơn vị, trong giai đoạn 2011 - 2017 đã ban hành 16 kháng nghị phúc thẩm theo đúng mẫu số quy định, cụ thể:

Bảng 2.2. Thống kê số vụ án/bị cáo bị truy tố được đưa ra xét xử giai đoạn 2011-2017

Năm	Số vụ án/bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm		Số vụ án/bị cáo bị kháng nghị phúc thẩm	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2011	37	108	1	1
2012	29	49	3	3
2013	26	40	2	4

Năm	Số vụ án/bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm		Số vụ án/bị cáo bị kháng nghị phúc thẩm	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2014	28	53	2	2
2015	35	74	1	2
2016	25	29	1	1
2017	16	17	1	1
Tổng cộng	211	412	16	19

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của VKS huyện Mộ Đức

Qua thống kê, phân tích nguyên nhân VKS huyện kháng nghị Phúc thẩm lý do chủ yếu là: quan điểm đánh giá chứng cứ giữa các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử ở huyện và tỉnh có khác nhau, phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm (vụ Lê Hoàng Ninh Tiên phạm tội Cố ý gây thương tích, bị cáo bị bệnh viêm gan B, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ mới sinh con)...Đa số các kháng nghị của VKS huyện được VKS tỉnh đồng tình và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

2.2.6. Đối với hoạt động thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Với quyết tâm, nỗ lực trong thực hiện công tác thực hành quyền công tố tập thể đơn vị, tất cả các vụ án VKS truy tố đều đảm bảo quy định của pháp luật, qua các năm có án xét xử Phúc thẩm, nhưng đa số không phải do lỗi của VKS huyện và Thẩm phán xét xử sơ thẩm, mà chủ yếu do vì bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả trước khi xét xử phúc thẩm, điển hình năm 2011 có 5/6 vụ án xét xử phúc thẩm hình phạt đều nằm trong khung VKS huyện đề nghị ở phiên tòa sơ thẩm

Về giải quyết việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung. Trong giai đoạn 2011-2017 số vụ án Tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung so với số vụ án VKS huyện truy tố chiếm tỷ lệ không lớn 7 vụ /16 bị can so với 178 vụ/348 bị can cho cả giai đoạn 2011-2017, cụ thể:

Bảng 2.3. Thống kê số vụ án/bị can Tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung

Năm	Số vụ/bị can Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung	Số vụ/bị can VKS truy tố
2011	1/2	48/124
2012	1/2	32/52
2013	0	29/44
2014	4/6	27/51
2015	0	26/59
2016	1/6	16/18

Nguồn: Tổng hợp báo cáo của VKS huyện Mộ Đức 2011-2017

Số liệu thống kê trên cho thấy, công tác thực hành quyền công tố qua các các giai đoạn từ khâu chuẩn bị và công bố bản cáo trạng, xét hỏi, luận tội, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự đã được VKS huyện, các KSV tham gia phiên tòa thực hiện có chất lượng cao. Trong giai đoạn 2011- 2017 không có vụ án nào VKS huyện rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa, có những vụ việc bị tạm đình chỉ, tạm đình chỉ, yêu cầu điều tra bổ sung, lý do chủ yếu là bị cáo chết, bị hại rút yêu cầu khởi tố, miễn TNHS do chuyển biến tình hình.

Từ kết quả nêu trên có thể khẳng định, công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đã được VKS và các KSV tại VKS huyện Mộ Đức thực hiện tốt, đạt chất lượng, có nhiều nỗ lực trong thực hiện các khâu của công tác thực hành quyền công tố, tích cực đấu tranh, đưa ra các chứng cứ tại phiên tòa để chứng minh quan điểm truy tố của VKS. Các KSV không ngừng học tập, trau dồi nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất đạo đức người cán bộ kiểm sát, thực hiện nghiêm chỉnh quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp. Từ đó bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của nhà nước, thông qua đó còn tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạo đức xã hội, góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh

phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

2.3. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế

2.3.1. Những hạn chế

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: thời gian qua công tác chuẩn bị cho thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự vẫn còn tình trạng đề cương xét hỏi, dự kiến các tình huống phát sinh tại phiên tòa và luận tội được chuẩn bị mang tính hình thức; sao chép từ những vụ án với những loại tội tương tự nhau chỉ thay đổi tên bị cáo; một số KSV thể hiện sự chủ quan, thiếu thận trọng đối với những vụ án đơn giản, quả tang, chứng cứ rõ ràng, đề cương xét hỏi và luận tội sơ sài chỉ có vài dòng hoặc nảy sinh tâm lý ỷ lại, làm việc qua loa, đại khái vì đã có lãnh đạo duyệt. Thực tiễn cho thấy, thông thường, lãnh đạo VKS sẽ phân công KSV thực hành quyền công tố từ giai đoạn điều tra cho đến giai đoạn xét xử nên có tình trạng KSV đã không chú trọng đến việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghiên cứu không sâu trong giai đoạn xét xử, không nắm được các tình tiết của vụ án, không phát hiện được những mâu thuẫn trong các chứng cứ buộc tội, gỡ tội hoặc những thiếu sót cần phải điều tra bổ sung nên còn có tình trạng Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, khi đó KSV mới phát hiện ra thiếu sót cần khắc phục... Hạn chế lớn nhất trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là KSV chuẩn bị bản cáo trạng chưa đáp ứng được yêu cầu, tập trung vào các nội dung sau:

i) Về hình thức của bản cáo trạng: đa số các bản cáo trạng đã nêu được các căn cứ pháp lý quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS để VKS truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng. Tuy nhiên, có nhiều bản cáo trạng việc vận dụng các căn cứ pháp luật thiếu chính xác, một số bản cáo trạng không trích rõ điểm, khoản, điều luật áp dụng, có bản cáo trạng nêu căn cứ pháp lý còn chung chung, không viện dẫn điều luật cụ thể, nhiều bản cáo trạng đề cập đến nhân thân bị can thì viết rất đơn giản...

ii) Về mặt nội dung của bản cáo trạng: nhiều bản cáo trạng còn tập trung các tình tiết tăng nặng, ít chú ý đến tình tiết giảm nhẹ. Đặc biệt nhiều bản cáo trạng chỉ tập trung nêu chứng cứ buộc tội và các tình tiết tăng nặng, còn các chứng cứ gỡ tội,

các tình tiết giảm nhẹ thì không chú ý đề cập, làm cho bản cáo trạng phân tích một chiều, không khách quan...; chưa chú trọng việc phân tích, đánh giá các chứng cứ. Nhiều bản cáo trạng chỉ mô tả hành vi phạm tội của bị can, ít quan tâm đến trích dẫn các tài liệu chứng cứ để chứng minh (như các bút lục)...; bản cáo trạng chỉ mới tập trung làm rõ các nội dung về hình sự, còn về dân sự thì nêu rất sơ sài...; phần kết luận và quyết định của cáo trạng thiếu những nội dung quan trọng, nhiều bản cáo trạng trong phần kết luận không nêu rõ một cách tổng hợp, ngắn gọn hành vi phạm tội của bị can như hướng dẫn đã đề cập, không nêu rõ tội danh và điều khoản áp dụng mà viết luôn lý lịch bị can sau đó mới tổng hợp hành vi phạm tội của bị can.

- Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự: Công tác thực hành quyền công tố của VKS tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vẫn còn một số hạn chế, yếu kém. Cụ thể như:

i) Công tác xây dựng hồ sơ chưa đảm bảo quy định của ngành, thiếu các tài liệu phục vụ cho việc tranh tụng, không trích cứu, trích dẫn các chứng cứ quan trọng, việc sắp xếp thứ tự bút lục thiếu tính khoa học; nhiều KSV không chuẩn bị đề cương xét hỏi, không chuẩn bị những vấn đề dự kiến cần làm rõ hơn tại phiên tòa; việc chuẩn bị bản luận tội ở cấp sơ thẩm trong một số vụ án chưa đạt yêu cầu, còn tình trạng bản luận tội còn sao chép cơ bản từ bản cáo trạng, phân tích sơ sài, không làm rõ các nội dung cần xem xét, kết luận, kết cấu không hợp lý. Hạn chế thường thấy là các bản luận tội chỉ nêu luận điểm mà rất ít có luận cứ và luận chứng đầy đủ để chứng minh cho luận điểm đã nêu... hệ quả của nó là chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa không cao.

ii) Chất lượng xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm của KSV còn hạn chế: qua đánh giá của VKS huyện Mộ Đức thời gian qua còn nhiều trường hợp KSV tham gia hoạt động xét hỏi chất lượng chưa cao, thể hiện qua việc không chú ý theo dõi việc xét hỏi của các thành viên HĐXX nên hỏi lặp lại, hỏi về những vấn đề không trọng tâm, hỏi cho có, thái độ và ngôn từ sử dụng khi xét hỏi còn nhiều hạn chế...do đó, có những tình tiết mới nhưng không được tiếp thu và sửa đổi kịp thời vào trong bản luận tội ở

phiên tòa sơ thẩm để làm rõ những vấn đề của vụ án nhằm để có cơ sở bảo vệ (cũng là để kiểm tra) quan điểm truy tố thể hiện trong cáo trạng.

iii) Việc luận tội của một số KSV chưa được chú trọng: một số trường hợp, KSV tham gia phiên tòa chưa nắm chắc các tình tiết vụ án, chứng cứ buộc tội, gỡ tội đối với từng bị cáo, nhất là những bị cáo trong quá trình điều tra không nhận tội, thay đổi lời khai. Vì vậy, KSV không phát hiện được những mâu thuẫn để từ đó có kế hoạch thẩm vấn bị cáo, kiểm tra tính đúng đắn của các chứng cứ; chưa chuẩn bị tài liệu, chứng cứ để tranh luận, đối đáp với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

iv) Chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Báo cáo của VKS huyện đã chỉ rõ, vai trò của KSV trong tranh tụng tại nhiều phiên tòa vẫn chưa đạt yêu cầu, một số phiên tòa KSV còn ngại xét hỏi, ngại tranh luận, khiến phiên tòa diễn ra tẻ nhạt, KSV tuy không hấn từ chối tranh luận nhưng né tránh những vấn đề khó của những người tham gia tố tụng đề cập, tình trạng này xảy ra ngay cả trong những vụ án lớn, phức tạp, dư luận quan tâm, nhiều luật sư tham gia bào chữa, thậm chí là vụ án được xác định là án điểm. Việc ghi chép, theo dõi đầy đủ các thông tin, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa còn hạn chế dẫn đến việc tranh tụng, xét hỏi, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án có lúc chưa đảm bảo tính thuyết phục. Văn hóa trong tranh luận ở một số phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều phiên tòa chưa thực sự dân chủ, một số KSV khi tranh luận còn chỉ trích, thiếu bình tĩnh, có vụ án gây bức xúc cho người tham gia tranh tụng nên họ yêu cầu KSV phải đối đáp lại, làm rõ thêm, gây căng thẳng trong tranh luận. Việc tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến tình trạng nhiều vụ án Chủ tọa phiên tòa dường như làm hết mọi việc từ điều khiển diễn biến phiên tòa, cho đến khi xét hỏi làm rõ nội dung vụ án, còn KSV thụ động trong quá trình xét xử vụ án, làm việc chứng minh sự thật vụ án thuộc về HXX, KSV tham gia phiên tòa chỉ đọc bản luận tội đã được chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa, chưa kịp thời cập nhật được các diễn biến mới phát sinh tại phiên tòa vào luận tội, khi đối đáp, tranh

luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, do đó KSV không đưa ra được các chứng cứ để bác bỏ, đấu tranh với các ý kiến của những người tham gia tranh luận.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, điều hành chỉ đạo hoạt động của VKS nói chung và thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự cũng còn những hạn chế nhất định như: việc quản lý số lượng án đang án thụ lý giải quyết mà bị cáo kêu oan, chối tội, trường hợp VKS kháng nghị chưa thật sự được quan tâm đúng mức; việc chỉ đạo đường lối giải quyết đối với các vụ án có lúc chưa kịp thời, việc chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự chưa được thường xuyên, quyết tâm cao; thực hiện điều hành, phân công KSV thụ lý, nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia phiên tòa có vụ án chưa phù hợp với chuyên môn, kinh nghiệm; công tác kiểm tra việc thực hành quyền công tố phiên tòa xét xử hình sự của KSV, nhằm phát hiện những thiếu sót, vi phạm để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục... chưa được thực hiện thường xuyên, việc tổng kết, rút kinh nghiệm chưa thật sự khoa học... Cùng với đó, công tác phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan như: CQĐT, Tòa án, chính quyền địa phương, các phòng nghiệp vụ cấp trên mặc dù đã xây dựng được quy chế thực hiện nhưng hiệu quả còn hạn chế, đặc biệt trong việc phối hợp giải quyết các vụ án điềm, phức tạp, thực hiện việc xét xử lưu động... Việc phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng chưa được chú trọng... Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ chưa được các cấp các ngành quan tâm đúng mức, chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn mang tính chiến lược cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, KSV... Công tác giám sát của HĐND cùng cấp đối với cơ quan tư pháp, trong đó có VKS huyện trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do nhiều nguyên nhân khác nhau còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, bất cập trong các quy định hiện hành liên quan đến công tác thực

hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự: thực tiễn cho thấy, hệ thống quy định pháp luật làm cơ sở cho việc thực hiện chức năng công tố chưa hoàn thiện, trong đó đáng chú ý là các quy định liên quan đến hoạt động tranh tụng tại phiên tòa còn nhiều vướng mắc và chưa kịp thời được hướng dẫn thực hiện. Trong đó, tập trung vào nhóm các quy định là cơ sở pháp lý cho hoạt động tranh tụng như: các quy định về quyền và nghĩa vụ của KSV, Luật sư bào chữa tại phiên tòa; các quy định về trách nhiệm của HĐXX, của Thẩm phán trong việc đảm bảo cho hoạt động tranh tụng; các quy định về trình tự, thủ tục tranh tụng; về văn hoá tư pháp... và các quy định của pháp luật hình sự và văn bản hướng dẫn làm cơ sở đánh giá về vụ án. Đặc biệt là nhiều quy định trong Bộ luật hình sự 2015 còn vướng mắc nhưng chưa được cấp có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể, do vậy khi tranh tụng, giữa KSV với người bào chữa vẫn có những quan điểm khác nhau, và phán quyết của Tòa án giữa nơi này với nơi khác hoặc giữa hai cấp về cùng vấn đề nhưng cũng khác nhau.

Thứ hai, mô hình thông khâu được áp dụng có những hạn chế nhất định trong việc tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Theo đó, KSV được phân công kiểm sát điều tra sẽ đồng thời là người được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm, vụ án có thể được đưa ra xét xử phúc thẩm nếu có kháng cáo, kháng nghị thì mới được giao KSV khác của cấp trên trực tiếp kiểm sát xét xử lại vụ án hoặc kiểm sát lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Do vậy, bên cạnh những ưu điểm trong việc nắm vững hồ sơ vụ án ngay từ giai đoạn điều tra để làm cơ sở cho việc tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, có thể dẫn đến những hạn chế nhất định như: Do KSV vừa được giao kiểm sát điều tra, vừa tiến hành kiểm sát xét xử tại phiên tòa nên dễ lệ thuộc (ảnh hưởng) vào quan điểm đã đề xuất truy tố khi kiểm sát điều tra, từ đó dẫn đến tư tưởng bảo thủ hoặc chủ quan khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm, thực tế đó dẫn đến có những KSV kiểm sát điều tra có kinh nghiệm tốt nhưng lại hạn chế về kỹ năng khi tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

Thứ ba, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị của ngành, đặc biệt là ngành Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu. Trụ sở Tòa án huyện còn chật hẹp, nên việc bố trí chỗ ngồi cho HĐXX, đại diện VKS, người tham gia tố tụng chưa đảm bảo, không có phòng cách ly...do vậy việc bố trí phòng xét xử theo yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay đối với Tòa án huyện là khó thực hiện. Bên cạnh đó, bàn ghế, loa, âm thanh...được trang bị đã lâu nên đã xuống cấp. Ý thức pháp luật của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác còn hạn chế, chưa hiểu biết pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình. Tất cả những hạn chế trên đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

Bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức bộ máy của VKS huyện còn bất cập, thiếu sự đồng bộ và chưa khoa học. Biên chế quy định cho VKS huyện còn ít, ngoài thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì KSV còn phải thực hiện những nhiệm vụ khác được quy định, dẫn đến bị quá tải, thu nhập, chế độ chính sách đối với KSV có cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn thấp...phần nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

2.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, vẫn còn tình trạng một số KSV chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong việc xét hỏi để làm rõ những tình tiết của vụ án, không tập trung ghi chép ý kiến tranh luận của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nên khi tranh luận chưa đi vào trọng tâm, không giải quyết hết được các vấn đề cần tranh luận, có trường hợp Chủ tọa phiên tòa phải đề nghị KSV phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. Bên cạnh đó, một số KSV, nhất là các KSV mới được bổ nhiệm chưa nhận thức đầy đủ các yêu cầu của cải cách tư pháp và quy định của Bộ luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, còn có biểu hiện chủ quan, chưa quan tâm đến việc nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ; việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ còn

yếu, thiếu sự chuẩn bị chu đáo trước khi tham gia phiên tòa, có thái độ xem thường, không chú ý lắng nghe ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Đặc biệt, khi tranh luận thì KSV thường có quan điểm bảo lưu ý kiến, ngại tranh luận hoặc tranh luận cho xong, lời lẽ tranh luận chưa sắc bén, không có tính giáo dục và thuyết phục; đối với những vụ án phức tạp, có nhiều luật sư bào chữa thì một số KSV mất bình tĩnh, tâm lý không vững vàng.

Thứ hai, trình độ năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận KSV, Thẩm phán, Luật sư vẫn còn hạn chế nhất định. Thực tế cho thấy, kinh nghiệm tham gia phiên tòa của một số KSV còn ít nên khi công bố Cáo trạng chưa đọc rõ ràng, rành mạch, ngắt nhịp, ngắt câu không hợp lý nên chưa thuyết phục và thu hút người nghe. Không ít Thẩm phán điều khiển phiên tòa, tiến hành xét hỏi, tổ chức hoạt động tranh luận thiếu trách nhiệm, có tư tưởng “cho qua”, thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình tại phiên tòa cho “xong việc”. Nhiều Luật sư kỹ năng, nghiệp vụ còn hạn chế, mắc khá nhiều lỗi trong nhận thức và tư duy, quá trình bào chữa có lời nói chưa chuẩn mực...

Thứ ba, nhận thức của Lãnh đạo Viện và KSV còn chưa coi trọng công tác nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Việc sắp xếp, phân công, bố trí KSV làm công tác thực hành quyền công tố chưa được quan tâm đúng mức, chưa chú ý đến năng lực, sở trường của các KSV. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho KSV thời gian qua chưa được địa phương, các cấp, các ngành quan tâm. Cái thiếu cơ bản nhất đối với đội ngũ KSV tham gia tại phiên tòa sơ thẩm hình sự là kỹ năng vận dụng pháp luật, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng lập luận để giải quyết vấn đề, đặc biệt tư duy logic hình thức cho KSV để vận dụng vào hoạt động tranh tụng, thông qua đó sẽ góp phần rèn luyện tính hệ thống, tính chặt chẽ trong tư duy, giúp KSV tư duy theo đúng các quy luật, quy tắc vốn có của tư duy, biết cách lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, giúp KSV biết phân tích tư tưởng của người khác, phát hiện ra những “lỗi” trong tư duy của người khác, qua đó để tranh luận, phản biện, bác bỏ những tư tưởng sai và lỗi tư duy ngụy biện.

Thứ tư, sự phối hợp giữa VKS với các cơ quan bảo vệ pháp luật nhất là với CQĐT, Tòa án cùng cấp cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác còn chưa thường xuyên, chặt chẽ và khoa học, việc vận dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định còn máy móc, cục bộ, tính liên kết, phối hợp chưa cao. Trên thực tế, sự phối hợp chủ yếu đối với các vụ án xác định là án điếm, hoặc thực hiện xét xử để rút kinh nghiệm.

Tiểu kết Chương 2

Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê chương 2 đã đánh giá thực trạng công tác này trên các phương diện cơ bản đó là: thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự; kết quả đạt được của công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự nói chung và kết quả cụ thể trong từng nội dung thực hành quyền công tố của VKS và thông qua người đại diện là KSV; đưa ra những nhận định về những hạn chế, yếu kém của công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự của VKS, cũng như đưa ra nguyên nhân chủ quan, khách quan liên quan đến vấn đề này. Bên cạnh đó, chương 2 còn khái quát những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện nhằm đưa ra những dự báo về tình hình tội phạm trong thời gian đến... Từ thực tiễn công tác thực hành quyền công tố của VKS trong phiên tòa sơ thẩm hình sự nêu trên, trong những năm tiếp theo để tiếp tục nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trên địa bàn huyện Mộ Đức, đặc biệt nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian đến cần có những giải pháp mang tính căn cơ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của ngành, đó là cơ sở cho việc tác giả trình bày các nội dung tại chương 03 của luận văn.

CHƯƠNG 3
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC
THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ
THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN HUYỆN MỘ ĐỨC,
TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Quan điểm tăng cường công tác thực hành quyền công tố của VKSND huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1.1. Dự báo tình hình tội phạm hình sự và yêu cầu đối với công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1.1.1. Dự báo tình hình tội phạm hình sự

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mộ Đức lần thứ XXVII xác định nhiệm vụ trọng tâm: Chú trọng thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện dồn điền đổi thửa, ưu tiên các loại hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Chủ động thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và tăng thu nhập cho nông dân. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển để phát triển toàn diện ngành thủy sản. Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các Cụm công nghiệp Quán Lát, Thạch Trụ. Tiếp tục phát huy dân chủ, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mặt trận và các đoàn thể... [2]. Chính vì vậy, dự báo trong những năm tới tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trên địa bàn huyện Mộ Đức sẽ có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, thủ đoạn thực hiện tinh vi hơn, tính chất, mức độ tội phạm ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn. Diễn hình một số loại phạm về ma túy sẽ có diễn biến phức tạp, nhiều loại ma túy mới được đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện, thủ đoạn ngày càng tinh vi, có thể xuất hiện tại địa phương các cơ sở chế biến ma túy, hình thành các đường dây về tội phạm ma túy, có sự móc nối, liên kết nhiều tỉnh, thành phố; khả năng sử dụng vũ khí nóng, các dụng cụ lây nhiễm HIV để chống đối người thực thi nhiệm vụ ngày càng cao; hành vi vi phạm trật tự giao thông đường

bộ, đường thủy diễn biến phức tạp, có thể phát sinh tội phạm liên quan đến hàng giả, kém chất lượng, thậm chí bị các thế lực thù địch lợi dụng; tội phạm kinh tế sẽ xuất hiện những loại tội về cố ý làm trái, tham nhũng; lừa đảo... Đây là thách thức đối với các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện nói chung và VKS huyện Mộ Đức nói riêng, đòi hỏi lãnh đạo VKSND tỉnh, huyện phải quán triệt, nhận thức đầy đủ để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định, trong đó cần quan tâm đến việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của VKSND huyện.

3.1.1.2. Yêu cầu đối với công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, trong quá trình giải quyết vụ án, KSV phải nắm vững nội dung, các tình tiết, chứng cứ buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo; mối liên hệ giữa các chứng cứ với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; dự lường những tình huống phát sinh trong quá trình tranh tụng để có hướng giải quyết phù hợp, tránh bị động tại phiên tòa.

Thứ hai, KSV phải nắm vững các quy định của pháp luật để áp dụng đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo, chủ động dùng pháp luật để xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Sự am hiểu toàn diện các quy định của pháp luật sẽ giúp cho KSV có được tâm lý tự tin để bảo vệ quan điểm truy tố của VKS.

Thứ ba, KSV phải được đào tạo cơ bản về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có thâm niên công tác để am hiểu các mặt của đời sống xã hội, tâm lý tội phạm; có kỹ năng để thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như: kỹ năng xét hỏi, tranh luận, đối đáp, ghi chép, tổng hợp và văn hóa ứng xử.

Thứ tư, KSV phải có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, có niềm tin nội tâm, kiên quyết đấu tranh bảo vệ công lý và phải đặt mình trong hoàn cảnh của người phạm tội để đưa ra hướng xử lý cũng như mức hình phạt phù hợp, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội.

Thứ năm, sự quan tâm chỉ đạo, tin tưởng, ủng hộ KSV của lãnh đạo đơn vị, cấp ủy và chính quyền địa phương cũng là điều kiện cần thiết để KSV tự tin khi

thực hiện nhiệm vụ kiểm sát nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng

3.1.2. Quan điểm tăng cường công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong thời gian đến

3.1.2.1. Tăng cường công tác thực hành quyền công tố phải gắn liền với liên với mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp

Mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện ở nhiều văn kiện, Nghị quyết, tập trung chủ yếu vào Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/02/2002; Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005; Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI [10, tr.152]; Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII tiếp tục khẳng định: “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án...*” [11, tr.179]. Quán triệt các quan điểm đó, việc tăng cường công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải không ngừng phát huy và bảo đảm việc thực hiện “*Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp*”. Bảo đảm chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự góp phần thực hiện mục tiêu chung là “*nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội*” [3]. Một trong những nội dung, yêu cầu trong cải cách tư pháp của Đảng ta khi bàn về chức năng của VKS và chức năng thực hành quyền công tố là nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Do vậy, bảo đảm thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự phải có những biện pháp trước mắt và lâu dài đáp ứng mục tiêu chung phát huy dân chủ tại phiên tòa, thực hành nguyên tắc tranh tụng giữa các bên. Tăng cường công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự không chỉ là những quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành mà cần phải tạo lập một khuôn khổ pháp lý vững chắc để trên cơ sở

đó, một mặt, bảo đảm VKS thực hiện tốt chức năng quyền công tố.

3.1.2.2. Tăng cường công tác thực hành quyền công tố phải phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành và địa phương

Việc nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, trước hết phải đáp ứng được đòi hỏi của yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói chung và địa phương huyện Mộ Đức nói riêng. Với tình hình tội phạm diễn biến tính chất ngày càng phức tạp trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, phạm vi ngày càng mở rộng, đối tượng phạm tội ngày càng trẻ hóa, có tính tổ chức... Trong điều kiện tình hình nêu trên, để góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, VKS huyện phải không ngừng nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, với tinh thần không để xảy ra oan, sai nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện còn phải căn cứ trên yêu cầu của ngành về tổ chức bộ máy, hoạt động, đội ngũ cán bộ, KSV hiện nay theo quy định của địa phương, đặc biệt là nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV...do vậy, đòi hỏi lãnh đạo VKS cấp tỉnh, huyện cần tranh thủ nguồn lực tại các chương trình, đề án của ngành, sự hỗ trợ của các cấp, các ngành tại địa phương tiến hành đầu tư có trọng tâm, trọng điểm bảo đảm thực hiện mục tiêu quan trọng nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của VKS – một chức năng Hiến định.

3.1.2.3. Tăng cường công tác thực hành quyền công tố trọng tâm là nâng cao trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho KSV

Để thực hiện được đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của VKS theo Hiến pháp và pháp luật quy định đòi hỏi người cán bộ kiểm sát phải “*Công minh, Chính trực, Khách quan, Thận trọng, Khiêm tốn*”. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát, phải bắt đầu từ việc tuyển lựa chọn, đào tạo, sử dụng, bồi dưỡng, đến việc nhận xét đánh giá đề bạt cán bộ. Trong đó có đội ngũ KSV cần phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau: có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc mà mình đảm

nhệm; tận tâm, mẫn cán với công việc, thể hiện trách nhiệm và đạo đức công vụ trong quá trình thực hiện công việc được giao. Có tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp; thực hiện đúng các quy định của pháp luật với ý thức tự giác và tinh thần kỷ luật nghiêm minh. Không được làm những điều trái với lương tâm đạo đức và trách nhiệm công vụ; tôn trọng quyền con người, quyền công dân; gần dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân; gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tự giác rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách, tác phong làm việc.

3.2.1.4. Tăng cường công tác thực hành quyền công tố phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện nay

Trước hết, việc nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố phải được quán triệt và thực hiện phù hợp với các quy định tại Hiến pháp 2013, cụ thể là khoản 1, 3, Điều 107, khoản 2, Điều 109 [15]. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần thực hiện đúng các quy định tại Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, tại khoản 2, Điều 2, khoản 1, 2, Điều 3 [19]. Đặc biệt, phải tuân thủ đầy đủ quan định tại Bộ luật TTHS 2015 trên một số quy định mang tính nguyên tắc như “*Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26)*”, “*Nguyên tắc suy đoán vô tội*” (Điều 13), việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng thành điều luật cụ thể trong Bộ luật TTHS có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng các quy định về thủ tục tố tụng đặc biệt là thủ tục tranh tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Hoặc quy định tại khoản 1, Điều 41 Bộ luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là: “*Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát...; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên...*” [6], cũng như quy định tại Điều 226 Bộ luật TTHS 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi

thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự [6]. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn phải phù hợp các quy định khác trong Luật tổ chức TAND năm 2014, Bộ luật hình sự 2015 và các văn bản quy định của ngành, văn bản quy định về phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự.

3.2. Các giải pháp tăng cường công tác hành quyền công tố của VKSND huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thời gian tới

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Các quy định pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến hoạt động của KSV trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự rất phong phú và đa dạng, trong khuôn khổ của luận văn tập trung phân tích những quy định pháp luật liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố của KSV trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự dựa trên quan điểm của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp, cũng như Hiến pháp, Luật như: Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, phân định rành mạch các chức năng của tố tụng hình sự: buộc tội, xét xử, bào chữa và trách nhiệm của từng chủ thể trong việc thực hiện các chức năng đó; bảo đảm quyền bình đẳng và quyền bào chữa của bị can, bị cáo với những người tiến hành tố tụng... Để thực hiện vấn đề này, trước hết cần rà soát các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động tranh tụng trong Bộ luật TTHS 2003 và Bộ luật TTHS 2015 và các văn bản pháp luật khác để kịp thời xây dựng các quy định nhằm làm rõ nội dung, phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của VKS, của Luật sư, của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác trong phiên tòa hình sự... Theo đó, cần tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật trên các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục sửa đổi các quy định liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật TTHS 2015 trên các nội dung: i) sửa đổi quy định về việc VKS rút quyết định truy tố. Theo Điều 156 Bộ luật TTHS hiện hành thì: "Nếu xét thấy có những căn cứ quy định tại Điều 89 Bộ luật này hoặc khi có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị

cáo, VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án". Tôi đồng tình với một số tác giả là quy định này chưa phù hợp, chưa bảo đảm tính độc lập của VKS trong thực hành quyền công tố, bởi vì khi VKS rút quyết định truy tố thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc chấm dứt việc thực hành quyền công tố, do đó, cần phải sửa đổi quy định này theo hướng khi VKS rút quyết định truy tố thì đồng thời VKS có quyền đình chỉ vụ án. Tương tự như vậy, để khẳng định rõ vai trò của VKS là cơ quan duy nhất thực hành quyền công tố thì cần sửa đổi một số quy định tại Điều 169 của Bộ luật TTHS theo hướng: Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố, trong trường hợp rút toàn bộ quyết định truy tố, vụ án phải được đình chỉ, nếu rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ xét xử phần còn lại; ii) về giới hạn xét xử của Tòa án: Không nên quy định Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật, xử khác với tội danh mà VKS đã truy tố theo quy tại Điều 298 Bộ luật TTHS năm 2015, quy định như vậy đã cho phép Tòa án buộc tội theo hướng nặng hơn VKS đã truy tố, bởi vì mỗi khoản quy định trong Bộ luật Hình sự là một trường hợp phạm tội với những tình tiết định khung khác nhau, với những nội dung cần chứng minh khác nhau, theo đó các khoản quy định trong một điều luật thường quy định hình phạt theo hướng nặng hơn, thậm chí khung hình phạt là tử hình đòi hỏi phải thực hiện quy định riêng về quyền bào chữa, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền bào chữa của bị cáo, bởi vì trước đó bị cáo và người bào chữa đã không chuẩn bị cho tình huống xấu hơn này. Tương tự như vậy, Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác (bằng hoặc nhẹ hơn) tội mà VKS đã truy tố, quy định này tưởng chừng như bằng hoặc có lợi cho bị cáo, nhưng thực ra là bất lợi cho bị cáo. Vì sẽ xảy ra trường hợp nếu tiếp tục xét xử theo tội danh VKS đã truy tố, bị cáo sẽ được tuyên vô tội vì không đủ chứng cứ, nhưng khi Tòa án không xử được theo tội VKS đã truy tố, lại chuyển sang xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố, thì bị cáo cũng như người bào chữa cho họ sẽ bị động, bất ngờ, không chuẩn bị trước cho tình huống này nên không bào chữa được, dẫn đến bị cáo bị buộc tội và bị xét xử (bằng hoặc nhẹ hơn là về hình phạt,

còn cấu thành tội phạm là hoàn toàn khác biệt với tội VKS đã truy tố). Khi Tòa án xét xử về một tội mà VKS không buộc tội thì bản thân Tòa án đã làm cả chức năng buộc tội, trái với chức năng của Tòa án và cũng trái với quan điểm của Đảng về việc phân định rành mạch các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Qua nghiên cứu các quy định trong Bộ luật TTHS hiện hành có nhiều quy định theo hướng Tòa buộc tội thay KSV như: Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 10), Tòa án khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật quy định để xác định và xử lý người phạm tội (Điều 13, Điều 104), Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi xét thấy hồ sơ chưa đầy đủ để kết tội bị cáo (Điều 179), Tòa án có quyền kháng nghị các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại nếu cho rằng có vi phạm pháp luật (Điều 275, 293...)... Các quy định này hoàn toàn xa lạ với pháp luật các nước trên thế giới dù theo mô hình tố tụng thẩm vấn hay tranh tụng, làm lu mờ hoạt động thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự. [25, tr.123,124]; iii) sửa đổi Điều 13 Bộ luật hiện hành theo hướng: Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm mà chỉ có nhiệm vụ xét xử. Điều 15 – Bộ luật TTHS 2015 vẫn quy định nghĩa vụ chứng minh có cả Tòa án nhân dân. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các điều tra viên và Kiểm sát viên.

Bên cạnh đó, sửa đổi các quy định tại Điều 296 Bộ luật TTHS 2015 về quy định khi xét thấy cần thiết, HĐXX có thể triệu tập điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lý, giải quyết vụ án và những người khác đến phiên tòa để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án; sửa đổi khoản 1, Điều 317 Bộ luật TTHS 2015 quy định và khoản 2 Điều 307 cho phù hợp về việc chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý với quy định khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi; bổ sung vào khoản 2 Điều 322 về quy định căn cứ “đổi đáp đến cùng” khi KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đổi đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa... Do đó, các cơ quan tư pháp ở Trung ương cần khẩn trương tiếp tục ban hành

văn bản hướng dẫn các quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS và các quy định còn có vướng mắc khác.

Thứ hai, tiếp tục sửa đổi các quy định còn bất cập trong BLHS 2015 trên các nội dung như: Điều 16 quy định “Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn TNHS về tội định phạm” cho phù hợp với người chuẩn bị phạm các tội được liệt kê tại khoản 2 Điều 14 BLHS; hoặc khoản 2, khoản 3 Điều 29 BLHS quy định tình tiết “...thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”, đây là quy định mang tính tùy nghi, phụ thuộc vào nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng; về tình tiết giảm nhẹ TNHS, tại điểm b khoản 1 Điều 51 quy định “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, quy định như vậy sẽ tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau có thể hiểu là hai tình tiết gồm “sửa chữa, bồi thường thiệt hại” hoặc khắc phục “hậu quả”, cũng có thể hiểu là ba tình tiết gồm “sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”... [8, tr.75,76]. Theo đó, liên quan đến vấn đề này cần đánh giá lại những trường hợp loại trừ TNHS liên quan đến các quy định “sự kiện bất ngờ”, “phòng ngừa chính đáng”, “tình thế cấp thiết”, “thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên”, “trường hợp bất khả kháng”, “gây thiệt hại khi bắt giữa người phạm tội”... nhằm đảm bảo tốt nhất quyền con người, quyền công dân theo tinh thần của Hiến pháp 2013. [41, tr.33,33]. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm nghiên cứu hoàn thiện các quy định bất cập trong BLHS, hoặc có văn bản hướng dẫn, giải thích để tránh trường hợp áp dụng không chính xác, không thống nhất. Chúng tôi thống nhất như ý kiến của một số chuyên gia, nhà khoa học trong thời gian đến cần xem xét, sửa đổi toàn diện các quy định trong BLHS 2015 và cần bổ sung nội dung “*giải thích một số thuật ngữ*” vào phần đầu của Bộ luật hình sự, tuy nhiên để đảm bảo giá trị và hiệu lực thi hành của luật trước mắt cần ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích những bất cập đó.

Thứ ba, xác định rõ về mặt pháp lý mô hình tố tụng nước ta là thẩm vấn, tranh tụng hay thẩm vấn đan xen lẫn tranh tụng sẽ liên quan trực tiếp đến các quy định của Bộ luật TTHS. Nếu chúng ta chuyển đổi VKS thành Viện công tố theo yêu

cầu của cải cách tư pháp, thì mô hình tố tụng của chúng ta không còn là tố tụng thẩm vấn đan xen tranh tụng như hiện nay mà chuyển sang mô hình tố tụng tranh tụng. Với điều kiện cụ thể về đặc điểm tình hình đất nước, trình độ dân trí, trình độ nhận thức pháp luật, trình độ ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở khoa học của mô hình...thì mô hình này chưa thực sự phù hợp. Trong giai đoạn hiện nay, trước mắt nước ta vẫn nên duy trì mô hình tố tụng thẩm vấn đan xen tranh tụng như hiện nay là phù hợp, xác định mục tiêu chủ yếu tập trung vào hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự như yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng và nhà nước ta hiện nay.

Thứ tư, ban hành các quy định để khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng mô hình thông khâu công tác kiểm sát. Mô hình thông khâu hoặc chuyên khâu đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định, mô hình chuyên khâu sẽ cho thấy rõ ưu điểm như: Trong nội bộ ngành, qua các khâu công tác khác nhau (kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử) có thể thực hiện việc tự kiểm tra lẫn nhau, hạn chế tình trạng oan sai; KSV được chọn lựa kỹ hơn khi tham gia thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm, khi hồ sơ vụ án chuyển sang cho cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thì có thể chọn được những KSV có năng lực và có kỹ năng tranh tụng; KSV không bị lệ thuộc vào quan điểm truy tố như đã đề xuất khi kiểm sát điều tra vụ án. Tuy nhiên mô hình này, cần quy định thời hạn tố tụng riêng và đủ cho KSV được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nghiên cứu hồ sơ vụ án, quy định thời hạn như hiện nay là chưa đáp ứng yêu cầu để KSV hoàn thành Cáo trạng. Hoặc nếu pháp luật không quy định theo hướng này thì trong nội bộ ngành cần có quy định thời gian dành cho KSV kiểm sát xét xử sơ thẩm được nghiên cứu hồ sơ, sao chụp tài liệu cần thiết trước khi ban hành Cáo trạng và chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án. Nếu tiếp tục thực hiện mô hình thông khâu thì cần lựa chọn kỹ KSV tham gia phiên tòa phải là người có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, nhất là phải có kỹ năng đối đáp, tranh tụng. Trong trường hợp KSV được phân công làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra vụ án nhưng người đó lại không có năng lực tham gia phiên tòa thì cần chọn và

phân công thêm KSV có năng lực để cùng tham gia phiên tòa.

Thứ năm, Hội đồng thẩm phán TANDTC cần chủ động trong việc xây dựng, ban hành các án lệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn, xây dựng cơ chế hình thành nguồn án lệ và cách thức thu hút sự quan tâm và đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, những người hành nghề luật để đảm bảo các án lệ được lựa chọn và công bố đáp ứng được các tiêu chí của Nghị quyết 03 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Đến nay, TANDTC đã lựa chọn và công bố hơn 10 án lệ trong các lĩnh vực pháp luật hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính... sự ra đời của các bản án lệ góp phần khắc phục những khiếm khuyết và hoàn thiện pháp luật Việt Nam. (Tòa án tại Quảng Ngãi và một số địa phương đã áp dụng án lệ số 04 vào xét xử), các án lệ do Hội đồng thẩm phán TANDTC ban hành chưa đáp ứng được yêu cầu trong xét xử hiện nay tại các Tòa án địa phương cả về số lượng và lĩnh vực mà án lệ đề cập, đặc biệt số lượng án lệ liên quan đến lĩnh vực hình sự còn ít, do vậy, cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 03 của Hội đồng thẩm phán, trong đó cần phát huy tối đa vai trò của Hội đồng tư vấn án lệ.

Thứ sáu, hoàn thiện các quy định pháp luật về KSV. Trước hết là sửa đổi quy định tại Điều 82 Luật Tổ chức VKSND 2014 "kiểm sát viên được bổ nhiệm lần đầu có thời hạn là 05 năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc nâng ngạch thì thời hạn là 10 năm". Tác giả đồng tình với quan điểm tại [18, tr.134], khi cho rằng, quy định như vậy là chưa phù hợp với tình hình hiện nay. Qua nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đa số các nước quy định nhiệm kỳ của chức danh này không kỳ hạn, việc bổ nhiệm không kỳ hạn sẽ tạo điều kiện cho KSV độc lập, chủ động và tăng cường trách nhiệm trong công việc (thực tế hiện nay pháp luật thi hành án hiện hành ở Việt Nam cũng không quy định nhiệm kỳ của Chấp hành viên). Do vậy, nên chăng cần nghiên cứu, sửa đổi quy định này theo hướng quy định không kỳ hạn và trong trường hợp đó, nên quy định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn chức danh này. Bên cạnh đó, cần ban hành các quy định pháp luật để tiếp tục tăng thẩm quyền cho KSV trong thực hành quyền công tố trên cơ sở chuyển hoá một số quyền năng pháp lý chung của VKS và cụ thể hoá nội dung tại

điểm p, khoản 1, Điều 42 Bộ luật TTHS 2015 “Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật này”; cụ thể hóa khoản 2 Điều 42 Bộ luật TTHS 2015 quy định “Kiểm sát viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát về hành vi, quyết định của mình”, đây là căn cứ pháp lý quan trọng khẳng định chức năng, nhiệm vụ cũng như trách nhiệm của KSV trong quá trình thực hành quyền công tố, tuy nhiên các quy định này vẫn chưa bảo đảm được sự chủ động của KSV chức năng của mình; luật hoá các hoạt động thực hành quyền công tố của KSV đang tồn tại dưới các hình thức tham mưu, đề xuất cho Viện trưởng trong quá trình quyết định “đóng mở vụ án” và quyết định áp dụng các biện pháp “hạn chế quyền con người, quyền công dân” thành những nhiệm vụ của KSV; tiếp tục hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và hình sự theo hướng xây dựng bổ sung cơ chế bảo đảm các yêu cầu, quyết định của công tố phải được thực hiện theo phương châm “nhANH chóng, Kịp thời” có thời hạn cụ thể... [21, tr.133].

3.2.2. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nâng cao kỹ năng tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự

Mục tiêu đặt ra là phải thực hiện tốt các chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 282/QĐ-TTg về Đề án Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2016-2020 [28]. Để thực hiện được mục tiêu này, trên cơ sở biên chế được phân bổ VKSND các cấp cần đổi mới công tác bố trí, sắp xếp cán bộ, đặc biệt là bổ sung đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn làm công tác thực hành quyền công tố phù hợp tính chất đặc thù, số lượng các vụ án tại địa phương; đổi mới công tác tuyển dụng để đảm bảo tuyển dụng được cán bộ có trình độ chuyên môn cao; chú trọng việc giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ KSV; thường xuyên tổ chức học tập, nghiên cứu các chuyên đề nghiệp vụ nhằm nâng cao toàn diện các kỹ năng cần có cho KSV tham gia thực hành quyền công tố; tăng cường trách nhiệm của KSV, Viện trưởng,

phó Viện trưởng VKS cấp huyện trong các khâu của công tác thực hành quyền công tố giải quyết các vụ án hình sự, trách nhiệm trong công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho KSV...Đối với công tác thực hành quyền công tố trong xét xử các vụ án hình sự, việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng KSV cần tập trung vào các mục tiêu cơ bản sau: *một là*, KSV phải nắm vững hồ sơ vụ án, nắm vững chứng cứ buộc tội và gỡ tội, các chứng cứ được thể hiện ở các tài liệu nào, bút lục số bao nhiêu, những hạn chế, vướng mắc trong hồ sơ và ảnh hưởng của nó trong quá trình sử dụng chứng cứ tranh luận tại phiên tòa. Nắm vững tính hệ thống của chứng cứ, các mối liên hệ qua lại giữa các tài liệu, chứng cứ; *hai là*, hiểu và vận dụng hợp pháp, hợp lý các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn cũng như các quy định của pháp luật khác có liên quan để vận dụng đúng đắn, chính xác khi tham gia tranh luận; *ba là*, KSV có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người KSV; *bốn là*, có kinh nghiệm và thành thạo các kỹ năng thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong đó có các kỹ năng tranh tụng, có văn hoá ứng xử đúng mực trong giao tiếp tại phiên tòa; *năm là*, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người Kiểm sát “*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”.

Dưới góc độ lý luận và thực tiễn hiện nay, để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, nâng cao kỹ năng tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, đây được coi là kỹ năng nghề nghiệp đặc thù của KSV. Theo đó, để nâng cao kỹ năng này cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng những vấn đề sau:

i) Kỹ năng đặt câu hỏi: KSV phải biết cách đặt câu hỏi, vừa không vi phạm quy định cấm của pháp luật, khoa học. Phạm vi hỏi phải là những gì HĐXX chưa hỏi, hỏi rồi nhưng còn thiếu hoặc chưa rõ; hỏi về những gì còn có mâu thuẫn và hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng (hỏi để nhấn mạnh lại một lần nữa các chứng cứ đã có

trong hồ sơ để khẳng định giá trị của chứng cứ đó, phục vụ cho tranh luận sau đó). Kỹ năng trong xây dựng kế hoạch xét hỏi, hỏi bị cáo nào trước, bị cáo nào sau; hỏi về vấn đề nào trước, vấn đề nào sau để thể hiện được những tình tiết có ý nghĩa nhất, khách quan nhất. Khi xét hỏi có thể kết hợp với đấu tranh với những mâu thuẫn trong lời khai của người được xét hỏi.

ii) Kỹ năng quan sát, lắng nghe, tổng hợp ý kiến, ghi chép: Tại phiên tòa KSV phải biết lắng nghe, đồng thời phải thực hiện việc tổng hợp ý kiến; so sánh đối chiếu các ý kiến, quan điểm với những gì đã được nghiên cứu trước đó để ghi nhận các thông tin đã nghe, phát hiện ra những thông tin còn thiếu hay có mâu thuẫn đã có; KSV phải biết ghi chép điểm chính của thông tin, đồng thời dự kiến những vấn đề cần hỏi thêm hay cần tranh luận, cần chứng minh hay bác bỏ. Những thông tin mới mà được KSV chấp nhận thì cần ghi chép lại và kịp thời chỉnh sửa những luận điểm, luận chứng mà đã chuẩn bị trước đó (trong bản luận tội, trong bài phát biểu hoặc để phát biểu bổ sung). KSV phải có kỹ năng quan sát, nắm diễn biến của phiên tòa, thái độ của HĐXX khi thực hiện nhiệm vụ, thái độ của người tham gia tố tụng, nhất là bị cáo, người bào chữa để chuẩn bị hoặc để phát hiện ra những vấn đề cần xử lý. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, khi ghi chép để nhấn mạnh những nội dung cần chú ý, KSV có thể sử dụng các loại bút có loại mực khác nhau để đánh dấu, tạo điểm chú ý, tránh việc bỏ quên nội dung.

iii) Kỹ năng đối đáp, phản bác các quan điểm sai trái: KSV phải kịp thời phát hiện những luận điểm, quan điểm sai trái của những người tranh tụng với mình để bác bỏ và đề nghị HĐXX ra phán quyết đầy đủ, đúng đắn. Đây là thời điểm KSV vận dụng tư duy logic hình thức trong tranh luận, vận dụng các hình thức của suy luận, vận dụng tư duy để chứng minh, bác bỏ những luận điểm của người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác. Khi tranh luận, đối đáp, KSV cần linh hoạt chọn các hình thức của suy luận để áp dụng cho các trường hợp cụ thể, ví dụ như: Trường hợp, KSV nêu luận điểm trước, sau đó dùng chứng cứ, quy định của pháp luật để diễn giải nhằm qua đó bảo vệ luận điểm thì KSV nên sử dụng khi nhận thấy các bên tranh tụng đang quan tâm đến luận điểm của mình, do vậy sẽ nêu luận điểm

trước rồi phân tích, diễn giải sau để chứng minh; có trường hợp khác, KSV đưa ra các luận cứ, luận chứng, sau đó quy nạp để dẫn đến luận điểm, khi nhận thấy các bên tranh tụng tập trung quan tâm vào luận chứng, luận cứ hơn là quan tâm luận điểm. Hoặc khi đối đáp, tranh luận với người bào chữa, bị cáo, KSV có thể bác bỏ luận điểm, luận cứ hoặc luận chứng của phía tranh tụng đối lập thì phương pháp mang tính thuyết phục nhất để bác bỏ là sử dụng các luận cứ, luận chứng của mình để bác bỏ, phủ định quan điểm của phía tranh tụng đối lập...

iv) Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: Trong phiên tòa KSV phải sử dụng ngôn từ thật sự đơn giản, tự nhiên, trong sáng, lưu loát, dễ hiểu, hành văn rõ ràng mạch lạc, khi sử dụng những từ ngữ nước ngoài, trình bày những con số có giá trị lớn phải chính xác; ngôn ngữ và cách sử dụng ngôn ngữ phải có văn hoá, trong sáng; thể hiện sự nghiêm minh, dân chủ, đúng pháp luật, tôn trọng người tranh luận và những người khác tham gia phiên tòa.

v) Kỹ năng sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ: Trước, trong khi tham gia phiên KSV phải biết sử dụng và sử dụng có hiệu quả các phương tiện hỗ trợ như máy ghi âm, máy chiếu, máy tính xách tay... để hỗ trợ các công tác nghiệp vụ, góp phần hỗ trợ KSV nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa, vì vậy trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ là yêu cầu cần thiết đối với đội ngũ KSV hiện nay.

3.2.3. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành đối với các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự

Yêu cầu đặt ra đối với công tác này là phải căn cứ vào diễn biến tình hình tội phạm của địa phương, đặc biệt chú ý đến những loại tội phạm nổi bật, phổ biến; nắm chắc tình hình hoạt động của từng khâu công tác kiểm sát của cấp mình và các KSV để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cũng như kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những thiếu sót trong các khâu của công tác thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Trong đó, tập trung chú ý vào một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo hướng bảo đảm chế độ tập trung thống nhất trong ngành, KSV phải chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Viện trưởng và chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, VKSNDTC. Đồng thời, cần thực hiện tốt chế độ phân công quản lý theo quy định tại Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự và quy chế công tác của cơ quan, đơn vị, thực hiện tốt nguyên tắc và các quy định này chính sẽ tăng cường chế độ trách nhiệm và phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng KSV và công chức trong việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Đối với ngành Kiểm sát, hệ thống cơ quan được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, nên công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ càng có vai trò và ý nghĩa quyết định đến chất lượng thực hành quyền công tố. Do đó, trong thời gian đến KSV huyện Mộ Đức cần tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong việc tổ chức thực hiện quyền công tố để đảm bảo nguyên tắc tập trung, lãnh đạo thống nhất trong ngành.

Hai là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của lãnh đạo Viện đối với KSV được phân công thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, đặc biệt là giữa lãnh đạo Viện đối với các KSV trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015, Bộ luật hình sự 2015 và các quy chế nghiệp vụ của ngành. Việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn phải được lãnh đạo Viện làm thường xuyên, liên tục, thông qua công tác kiểm tra sẽ nắm được chất lượng hoạt động nghiệp vụ, kịp thời phát hiện những sai sót để rút kinh nghiệm, chấn chỉnh. Thực tế cho thấy, hiện nay khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, có tình trạng VKS do sợ trách nhiệm, không đầu tư nghiên cứu, chưa làm hết trách nhiệm, không xem xét kỹ lưỡng, không có quan điểm giải quyết rõ ràng đối với vụ án được phân công phụ trách, nên đã đùn đẩy trách nhiệm giải quyết vụ án bằng cách xin ý kiến của VKS cấp trên, mặc dù Quy chế công tác đã có những quy định về việc xin ý kiến và trả lời, nhưng vẫn ở những quy định chung mang tính nguyên tắc, chưa cụ thể nên việc cấp trên trả lời cấp dưới còn chậm, có

khi chung chung, không rõ ràng đường lối giải quyết dẫn đến tình trạng cấp dưới lúng túng, không biết nên xử lý thế nào.

Ba là, thực hiện hiệu quả chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ về số vụ án/bị can do CQĐT khởi tố, số vụ án/bị can VKS yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp khởi tố yêu cầu điều tra, số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra, số vụ án/bị can VKS đình chỉ vụ án. Đặc biệt cần lưu ý những trường hợp các bị cáo do Tòa án cùng cấp tuyên không phạm tội, các vụ án hình sự mà bị can, bị cáo kêu oan ngay từ đầu, các đương sự khiếu nại nhiều lần về việc giải quyết vụ án không khách quan.

Bốn là, tiếp tục tổ chức, quản lý và thực hiện có hiệu quả các phiên tòa rút kinh nghiệm. Để thực hiện có hiệu quả vấn đề này trước hết cần tổng kết việc tổ chức thực hiện phiên tòa rút kinh nghiệm trong thời gian vừa qua, trên cơ sở đánh giá đúng thực chất những kết quả, hạn chế yếu kém và nguyên nhân để đưa ra những biện pháp khắc phục, để thực hiện có hiệu quả công tác này VKS huyện phải là đơn vị chủ trì, phối hợp với CQĐT, Tòa án và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác thực hiện, quá trình tổng kết đánh giá cần chú ý đến ý kiến của các KSV – những người tham gia trực tiếp tại các phiên tòa, ý kiến của các cơ quan chuyên môn phối hợp, thậm chí nếu được có thể có ý kiến của các Luật sư để đánh giá khách quan vấn đề. Bên cạnh, VKS huyện cần phối hợp với Tòa án, CQĐT xây dựng kế hoạch cụ thể, thiết thực việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm, xác định một số tiêu chí cơ bản trong việc lựa chọn vụ án, theo tôi không nhất thiết lựa chọn vụ án phức tạp, có luật sư tham gia, có đông bị cáo... vì việc rút kinh nghiệm sẽ đem lại hiệu quả cao khi xác định nội dung cần rút kinh nghiệm là gì, rút kinh nghiệm cho ai. Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm cần tập trung vào nội dung rút kinh nghiệm là kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa, do đó cần lựa chọn những vụ án liên quan đến việc áp dụng đúng, có cơ sở các quy định pháp luật, thậm chí liên quan đến nhận thức pháp luật khác nhau, áp dụng pháp luật khác nhau... thông qua các vụ án đó sẽ rút ra được nhiều kinh nghiệm trong tranh tụng tại phiên tòa cho các KSV, trui rèn các kỹ năng tranh tụng. Mặt khác, cần tránh việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là để thực

hiện phong trào thi đua, để chấm điểm và phân loại, đánh giá KSV, đơn vị, do đó cần nhận thức đúng mục đích của việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm, chỉ tiêu thi đua của ngành về việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm chỉ là tiêu chí phụ, việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm là xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, của ngành nhằm thực hiện tốt nhất chức năng do Hiến pháp và pháp luật quy định.

3.2.4. Tiếp tục đổi mới mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát huyện với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự

Để tiếp tục đổi mới và thực hiện tốt công tác phối hợp giữa VKS huyện và các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong thời gian tới cần chú ý một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ phối hợp giữa HĐXX và KSV là xuất phát từ mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, nhu cầu tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật, nhận thức sâu xa của vấn đề này là giải quyết mối quan hệ hữu cơ giữa chức năng xét xử và chức năng buộc tội. Không thể xét xử nếu không có sự buộc tội, hay nói cách khác ở đâu có buộc tội thì ở đó phát sinh hoạt động xét xử và bào chữa. VKS và Tòa án phải có trách nhiệm phối hợp với nhau để giải quyết các vụ án hình sự đúng đắn, khách quan theo luật định, do đó, cần đổi mới việc phối hợp giữa VKS và HĐXX để đảm bảo việc thực hành quyền công tố tại các phiên tòa sơ thẩm hình sự theo hướng nâng cao tính độc lập, chủ động và trách nhiệm của KSV trong xét hỏi, luận tội, tranh luận với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, đảm bảo để VKS thực hiện nhiệm vụ phát hiện những bản án, quyết định của Tòa án có sai lầm để kịp thời báo cáo người có thẩm quyền kháng nghị để Tòa án cấp trên xem xét lại vụ án. Bên cạnh đó, VKS còn phải phối hợp với các cơ quan nhà nước khác bằng những nội dung cụ thể, thiết thực theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật TTHS và các văn bản pháp luật khác dựa nguyên tắc xác định sự thật vụ án và nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với các cơ quan, tổ chức nhà nước khác. Để tạo ra được mối quan hệ

phối hợp một cách hiệu quả, cũng như giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn việc phối hợp giữa VKS, HĐXX và các cơ quan tiến hành tố tụng, trong thời gian đến VKS huyện Mộ Đức cần coi trọng việc xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành cụ thể đối với các cơ quan này, trong đó cần chú ý đến việc đổi mới hình thức phối hợp, đặc biệt là hình thức họp liên ngành các cơ quan tư pháp. Những năm gần đây, thực hiện yêu cầu của cải cách tư pháp, hạn chế tình trạng án tại hồ sơ, việc họp liên ngành có chiều hướng giảm, ý thức về tính độc lập trong hoạt động tố tụng hình sự ngày càng được nâng cao rõ rệt, tuy nhiên xét trong bối cảnh cụ thể và thực tiễn hiện nay tôi nhận thấy rằng cần tiếp tục thực hiện hình thức này và cần đổi mới cách thức thực hiện để mục đích phối hợp giữa các cơ quan tố tụng được thực hiện.

Thứ hai, xác định việc tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa KSV và HĐXX là để giải quyết những vướng mắc, bất cập trong hoạt động tố tụng hình sự, tránh lạm quyền trong thực hiện quyền năng tố tụng đối với VKS và Tòa án, điều này phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay là cần tiếp tục coi trọng quan hệ giữa HĐXX và KSV nói riêng, Tòa án và VKS nói chung để nhằm tháo gỡ vướng mắc, đạt được mục đích tố tụng và tránh lạm quyền. Do đó, để giải quyết hiệu quả mối quan hệ này cần xây dựng mối quan hệ đó theo hướng phải bảo đảm tính độc lập, thực hiện đúng đắn chức năng cơ bản của tố tụng và tăng cường hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự. Đặc biệt, mối quan hệ phối hợp này cần tránh việc bao biện, làm thay, thậm chí thiên vị lẫn nhau giữa HĐXX và KSV trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, vì vậy, cần nhận thức và hành động đúng đắn là phối hợp nhưng không được tùy tiện làm trái quy định pháp luật về thủ tục tố tụng, trái thẩm quyền tố tụng, phạm vi phối hợp nằm trong khuôn khổ quy định pháp luật và xác định rõ tính phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm trong quá trình phối hợp.

3.2.5. Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị cho công tác thực hành quyền công tố

Trong điều kiện cải cách tư pháp, với việc tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa

án cấp huyện nói riêng và cho các cơ quan tư pháp cấp huyện nói chung, đòi hỏi phải có sự đầu tư mạnh hơn về cơ sở vật chất, trang bị làm việc cho VKS cấp huyện. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần quan tâm, đầu tư, có những chính sách thích hợp, tạo điều kiện cho hoạt động thực hành quyền công tố thực hiện đạt kết quả tốt hơn. Do đó, cần sớm có chính sách đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của ngành Kiểm sát trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hoá các trang thiết bị của ngành. Để hoạt động tranh tụng của KSV huyện có chất lượng và hiệu quả, cần bảo đảm đủ cơ sở vật chất cần thiết để KSV thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật: trụ sở, trang thiết bị làm việc, phương tiện kỹ thuật như máy tính cá nhân, các văn bản pháp luật cần thiết... Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này cần chú ý các nội dung sau đây:

Một là, VKS huyện cần phải chủ động trong công tác kế hoạch - tài chính, tiến hành khảo sát, đánh giá, xác định chính xác và đầy đủ nhu cầu, nhiệm vụ chi của đơn vị; dự toán kinh phí đầy đủ, kịp thời, bảo đảm các nhiệm vụ chi; bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch...

Hai là, tăng cường quan hệ phối hợp với các cơ quan hữu quan VKS cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để tạo sự ủng hộ, điều kiện thuận lợi về diện tích trụ sở làm việc; kinh phí xây dựng, sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị; chế độ chi tiêu... nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ đặc thù của VKS huyện.

Ba là, VKS huyện cần chủ động, kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp ủy Huyện có biện pháp cụ thể đối với việc chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi nhất để VKS huyện tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ tốt cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

3.2.6. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng (chi bộ Viện, đảng bộ Huyện), sự giám sát của Hội đồng nhân dân địa phương

Trước hết, cần nhận thức rõ về nội dung phương thức lãnh đạo, ý nghĩa của

việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với ngành VKSND tại địa phương và VKSND huyện Mộ Đức. Nội dung công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng (chi bộ Viện, đảng bộ Huyện) là: lãnh đạo việc tiếp tục hoàn thiện tổ chức và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS huyện đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, trọng tâm là công tác thực hành quyền công tố trong lĩnh vực hình sự; tăng cường công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng về chính trị, tư tưởng, về tổ chức cán bộ; tăng cường kiểm tra của Đảng nhằm phát hiện, uốn nắn những lệch lạc, thiếu sót; xác định rõ hơn, cụ thể hơn thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng VKS huyện trong sạch, vững mạnh, phối hợp thực hiện tốt chức năng Hiến định, không can thiệp vào những vấn đề chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan tư pháp.

Theo đó, cấp ủy Đảng lãnh đạo đối với công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đòi hỏi VKS huyện phải nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ đòi hỏi VKS phải đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp trong việc phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng, quyết định truy tố hay không truy tố người phạm tội và hành vi phạm tội. Cấp ủy đảng, đặc biệt là chi bộ VKS huyện và Đảng bộ huyện cần bám sát nội dung và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp, xây dựng tổ chức đảng, quán triệt, đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng đối với công tác tư pháp, huy động sự tham gia, giám sát của cơ quan dân cử, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân đối với công tác tư pháp. Cấp ủy lãnh đạo việc phối hợp giữa VKS huyện với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước hết thể hiện qua việc thống nhất phương hướng đấu tranh phòng, chống tội phạm giữa VKS huyện với các cơ quan nội chính, các cấp ủy Đảng, CQĐT, Tòa án, cơ quan dân cử, các tổ chức chính trị xã hội...Để thực hiện tốt nội dung này cấp ủy VKS huyện cần chủ động chỉ đạo phối hợp với các cơ quan tư pháp khác tham mưu cho các cấp ủy Đảng địa phương về chủ trương, biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương. Bên cạnh đó, mối quan hệ phối hợp này còn thể hiện trong các hoạt động nghiệp vụ cụ thể, giải quyết những

vụ án phức tạp, án trọng điểm, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Với những vụ án phức tạp, có nhiều quan điểm giải quyết khác nhau đòi hỏi các cơ quan tư pháp phải phối hợp chặt chẽ với nhau để tìm cách tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, bất cập, thậm chí còn thống nhất đề xuất các cơ quan có thẩm quyền cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

Bên cạnh đó, cần nâng cao hiệu quả giám sát của HĐND cùng cấp, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 10 Luật tổ chức VKSND 2014: *“Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát hoạt động của VKSND theo quy định của pháp luật”*. Sự giám sát của HĐND và các đại biểu HĐND là những nội dung quan trọng đảm bảo tính dân chủ, khách quan và minh bạch của hoạt động của VKSND nói chung và quá trình thực hành quyền công tố trong xét xử hình sự nói riêng, thông qua cơ chế giám sát này giúp VKS, các KSV khắc phục những thiếu sót, hạn chế đảm bảo cho KSV hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thực tiễn cho thấy, VKS huyện Mộ Đức thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ trước HĐND cùng cấp về việc thực các nhiệm vụ trong đơn vị, trong đó có công tác thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, báo cáo của đơn vị thể hiện rõ tỷ lệ, chất lượng của công tác thực hành quyền công tố, số lượng án CQĐT trả điều tra bổ sung, số lượng án bị sửa, các vụ án VKS kháng nghị, công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.... Bên cạnh đó, tại các kỳ họp của HĐND thông qua hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của lãnh đạo VKS huyện đã làm rõ hơn một số vấn đề liên quan đến công tác của VKS huyện, một số vụ án cụ thể mà các đại biểu, dư luận quan tâm... Tuy nhiên, thực tế cho thấy do nhiều nguyên nhân khác nhau (trình độ, năng lực đại biểu; tổ chức hoạt động; cơ chế giám sát, chế tài...) công tác giám sát của HĐND cùng cấp và các đại biểu chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, hoạt động giám sát còn mang tính hình thức... do đó, trong thời gian đến cần tiếp tục đổi mới hoạt động giám sát của HĐND huyện, tập trung tổ chức giám sát theo chuyên đề, đặc biệt tập trung vào

những vấn đề lớn, nổi cộm như các vụ án về vi phạm điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, ma túy, đánh bạc...

Tiểu kết Chương 3

Việc tăng cường công tác thực hành quyền công tố của VKS huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến là một yêu cầu cấp thiết hiện nay, nhưng đây cũng là vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều nội dung, nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành. Do vậy, trong phạm vi của một luận văn chúng tôi đã đề xuất một số yêu cầu và quan điểm trong quá trình thực hiện cần tuân thủ, trong đó yêu cầu, quan điểm quan trọng nhất là phải xuất phát từ tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó, để tiếp tục tăng cường hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện trong thời gian đến cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó có những giải pháp chung do các cơ quan cấp trên thực hiện và các giải pháp cụ thể do các cơ quan ở địa phương thực hiện, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự, nâng cao trình độ nghiệp vụ, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của của các KSV, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của VKS đến tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ KSV.

KẾT LUẬN

Để đáp ứng yêu cầu thực hiện công cuộc cải cách tư pháp đã được Đảng đặt ra trong Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" cũng như để triển khai Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, luận văn đã giải quyết được một số vấn đề sau:

1. Phân tích và đưa ra khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, quyền công tố và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; xác định nội dung, quy trình thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; phân tích những yếu tố bảo đảm thực hành quyền công tố của KSV trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đây là những vấn đề mang tính nền tảng trên cả phương diện lý luận và pháp lý để thiết chế VKS thực hiện đúng, đầy đủ, có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Trên cơ sở nền tảng lý luận Luận văn đã phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện công tác thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2017 và nhận thấy: công tác này có nhiều thành tựu đáng khích lệ, góp phần trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, tuy nhiên cũng còn tồn tại những hạn chế, yếu kém nhất định, trong đó luận văn cũng xác định những nguyên nhân chủ quan và khách quan đối với những hạn chế, yếu kém này. Bên cạnh đó, luận văn còn đưa ra những dự báo, đánh giá thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự tại địa phương.

3. Để nâng cao tăng cường công tác thực hành quyền công tố của VKS huyện Mộ Đức trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thời gian đến, luận văn cũng đã đưa ra những yêu cầu, xác định một số quan điểm cần quán triệt khi thực hiện. Đặc biệt, qua phân tích làm rõ những vấn đề lý luận, đánh giá đúng thực tiễn, luận văn đã đề xuất một hệ thống các giải pháp nhằm tăng cường công tác thực hành quyền

công tố của VKS huyện Mộ Đức trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự thời gian đến. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thức rằng, để đạt được hiệu quả cao nhất cần cần thực hiện đồng bộ các giải pháp vì đây là một chỉnh thể thống nhất nhưng vấn đề liên quan với nhau, nhưng đồng thời cũng có tính biệt lập liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan, nhiều tổ chức; nhiều cấp, nhiều ngành và nhiều lĩnh vực. Do đó, khi triển khai thực hiện cần có sự đồng bộ, quyết tâm cao của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó đòi hỏi cấp ủy, lãnh đạo VKS huyện Mộ Đức phải chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015-2020*.
3. Bộ Chính trị, Nghị quyết 49 ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*
4. Bộ Chính trị Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian đến
5. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015, NXB CTQG
6. Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015, NXB CTQG.
7. Bộ Nội vụ (2007), *Tổ chức Nhà nước Việt Nam (1945-2007)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Chí Công (2018), *Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét sơ thẩm vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Phú Thọ)*, Khoa luật, ĐHQG HN].
9. Chi bộ Viện kiểm sát huyện Mộ Đức, *Báo cáo 10 năm Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 của Hội nghị Trung ương 6 khóa X*.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Võ Thành Đủ (2018), *Thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sỹ.
13. Lương Thúy Hà (2012), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát Nhân dân cấp huyện trong cải cách tư pháp ở nước ta*, Luận văn thạc sỹ Luật hình sự, Khoa Luật, ĐHQGHN

14. Bùi Thị Thúy Hằng (2016), *Năng lực tranh tụng của kiểm sát viên thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu áp dụng nguyên tắc tranh tụng ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật ĐHQGHN.
15. *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB CTQGJ.
16. Lê Thị Tuyết Hoa (2005), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Luật học, Học viện chính trị QG HCM.
17. Lê Thanh Hưng (2015), *Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Nông)*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật ĐHQGHN
18. Trần Thị Hương (2018), *Chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên nhân dân cấp tỉnh tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện CTQG HCM
19. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, NXB CTQG
20. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng
21. Lê Tuấn Phong (2017), *Hoàn thiện pháp luật về Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện CTQG HCM.
22. Nguyễn Hữu Phước (2016), Luận văn thạc sỹ “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*”. Học viện khoa học xã hội.
23. Tôn Thiện Phương (2002), *Vai trò của Viện kiểm sát trong xét xử vụ án hình sự*, Khoa Luật, ĐHQGHN, Luận văn thạc sỹ luật học, Hà Nội.
24. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát*, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

25. Trần Văn Quý (2017), *Chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Luận án tiến sĩ, Học viện CTQG HCM
26. Trương Thị Thu Thắm (2017), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
27. Lê Hữu Thế (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2016, phê duyệt đề án *Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2016-2020*.
29. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát*, Nhà xuất bản CAND, Hà Nội.
30. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
31. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Đề án và Phụ lục Đề án mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội
32. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự*.
33. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công An, *Thông tư số 01/2008/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BQP-BCA*].
34. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2012*.
35. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2013*.
36. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2014*.

37. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2015*.
38. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2016*.
39. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát 2017*.
40. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Báo cáo chuyên đề.
41. Trịnh Tiến Việt (2018), *Đánh giá những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 2015 và kiến nghị hoàn thiện theo hướng bảo vệ quyền con người, quyền công dân*, Tạp chí Pháp luật về Quyền con người, số 2/2018.
42. Lý Tường Vy (2017), *Thực hành quyền công tố đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện KHXH
43. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.